BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Đức Trọng

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÀN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢNG THÀNH VIỆT NAM

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Lê Đức Trọng
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lê Đức Trọng Mã SV:120450

Lớp: .QT1701K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toàn doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP 3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp 3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu và nguyên tắc kế toán doanh thu 4
Nguyên tắc kế toán doanh thu 5
1.3. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 6
1.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ 6
1.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 6
1.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu 9
..... 10
1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán 11
1.4.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp 14
1.4.4.1. Kế toán chi phí bán hàng 14
1.4.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp 15
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính 17
1.6. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác 20
1.7. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp .. 24
1.8. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán 25
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢNG THÀNH VIỆT NAM 30
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 30
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam..... 30
2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 30
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 31
2 1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

TNHH Quảng Thành. 34
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 35
2 2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 35
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 35
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán 46
2.2.1.3. Kế toán chi phí bản hàng và quản lý doanh nghiệp 56
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 67
2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 71
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢNG THÀNH VIỆT NAM 84
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 84
3.1.1. Ưu điểm 84
3.1.2. Hạn chế 85
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh 85
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh 86
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh 86
3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu - chi phí 86
3.4.2. Kiến nghị 2: Áp dụng phần mềm kế toán 92
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 96
3.5.1. Về phía Nhà nước 96
3.5.2. Về phía doanh nghiệp 96
KẾT LUẬN 97
TÀI LIỆU THAM KHẢO 98

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ... 10
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên..... 13
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... 14
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp 17
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính..... 19
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính..... 20
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác 22
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác 23
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp 24
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung 25
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái 26
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ..... 27
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ 28
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy 29
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý trong công ty..... 31
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Quảng Thành VN..... 35

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam 30
Biểu số 2.1. Hoá đơn GTGT số HD0000138 37
Biểu số 2.2. Hoá đơn GTGT số HD0000152 39
Biểu số 2.3. Giấy báo có của ngân hàng Á Châu 40
Biểu số 2.4. Hoá đơn GTGT số HD0000155 42
Biểu số 2.5. Phiếu thu số 12-045 43
Biểu số 2.6. Trích sổ nhật ký chung 44
Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK511 45
Biểu số 2.8. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá) 47
Biểu số 2.9. Phiếu xuất kho số 12-010 48
Biểu số 2.10. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá) 50
Biểu số 2.11. Phiếu xuất kho số 12-023 51
Biểu số 2.13. Phiếu xuất kho số 12-025 53
Biểu số 2.14. Trích sổ nhật ký chung 54
Biểu số 2.15. Trích sổ cái TK632 55
Biểu số 2.16. Hoá đơn GTGT số HD738 57
Biểu số 2.17. Phiếu chi số 12-45 58
Biểu số 2.18. Hoá đơn GTGT số 0002015 60
Biểu số 2.19. Phiếu chi số 12-50 61
Biểu số 2.20. Bảng phân bổ tiền lương và BHXH 62
Biểu số 2.21. Bảng tính và phân bổ khấu hao 63
Biểu số 2.22. Trích sổ nhật ký chung 64
Biểu số 2.23. Trích sổ cái TK641 65
Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK642 66
Biểu số 2.25. Giấy báo có của ngân hàng Á Châu 68
Biểu số 2.26. Trích sổ nhật ký chung 69
Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK515 70
Biểu số 2.28. Phiếu kế toán số 30 72
Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 31 73
Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 32 74
Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 33 75
Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 34 76

Biểu số 2.33. Trích sổ nhật ký chung 78
Biểu số 2.34. Trích sổ cái TK911 79
Biểu số 2.35. Trích sổ cái TK821 79
Biểu số 2.36. Trích sổ cái TK421 81
Biểu số 2.37. Trích bảng cân đối số phát sinh 82
Biểu số 2.38. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh 83
Biểu số 3.1. Sổ chi tiết bán hàng 87
Biểu số 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 88
Biểu số 3.3. Sổ chi tiết bán hàng 90
Biểú số 3.4. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh 91

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm Từ đầy đủ	Chữ viết tắt
1	Trách nhiệm hữu hạn	TNHH
2	Đơn vị tính	ĐVT
3	Tài sản cố định	TSCĐ
4	Giá trị gia tăng	GTGT
5	Tiêu thụ đặc biệt	TTĐB
6	Tài khoản	TK
7	Bán hàng	BH
8	Cung cấp dịch vụ	CCDV
9	Phương pháp	PP
10	Giá vốn hàng bán	GVHB
11	Thành phẩm	TP
12	Số hiệu tài khoản đối ứng	SHTKĐƯ
13	Bảo hiểm xã hội	BHXH
14	Bảo hiểm y tế	BHYT
15	Bảo hiểm thất nghiệp	BHTN
16	Kinh phí công đoàn	KPCĐ
17	Ngày tháng ghi sổ	NTGS
18	Giấy báo có	GBC
19	Số thứ tự	STT
20	Số hiệu	SH
21	Ngày tháng	NT

LỜI NÓI ĐẦU

1.Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển hơn, đời sống người lao động cũng ngày càng được cải thiện. Nhưng để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp phải có sự cố gắng tối đa trong quá trình quản lý, sản xuất kinh doanh.Cũng để đạt được mục đích đó, công tác kế toán đóng một vai trò vô cùng quan trọng, thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản lý, giúp cho họ trong việc đưa ra các quyết định đúng đắn, kịp thời, hướng các hoạt động của đơn vị thực hiện được mục tiêu đã đề ra.Thông qua Báo cáo tài chính cuối niên độ, cụ thể là Báo cáo kết quả kinh doanh Ban giám đốc có thể năm rõ tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình sau một năm là lãi hay lỗ, phân tích nguyên nhân kết quả đạt được , từ đó đề ra những chiến lược và quyết định kinh doanh một cách đúng đắn trong thời gian tới.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, được sự chấp thuận của Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam, vận dụng kiến thức đã học tại trường với sự giúp đỡ của giáo viên Nguyễn Đức Kiên, em xin chọn đề tài nghiên cứu **"Hoàn thiện tổ chức kế toàn doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam"** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

2.Mục đích nghiên cứu của để tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Phạm vi nghiên cứu : Tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

4.Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5.Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận gồm 03 chương :

Chương 1 : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam.

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

CHƯƠNG 1
LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

**Bán hàng:* là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

**Sản phẩm sản xuất:* là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

**Sản phẩm tiêu thụ:* là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

* *Doanh thu:* là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

* *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:* là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu:* doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu và nguyên tắc kế toán doanh thu

** Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

* *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

* *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tượng đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán. (Nếu có).

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thi doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên

cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

1.3. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

** Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:* Phản ánh, ghi chép đầy đủ sự biến động của các loại hàng hóa, dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác từng loại doanh thu.

**Nhiệm vụ của kế toán chi phí:* Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp

* *Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn đồng thời theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của doanh nghiệp.

1.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

** Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp*

- Phương pháp bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế

GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biếu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

** Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT

+ Phiếu thu

+ Giấy báo có của ngân hàng...

- Tài khoản sử dụng:

+ TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ TK511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

TK5111: Doanh thu bán hàng hóa: được sử dụng chủ yếu cho các doanh

nghiệp kinh doanh hàng hóa, vật tư.

TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm: được sử dụng ở các doanh nghiệp sản xuất vật chất như: công nghiệp, xây lắp, ngư nghiệp, lâm nghiệp.

TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: được sử dụng cho các ngành kinh doanh dịch vụ như: giao thông vận tải, bưu điện, du lịch, dịch vụ công cộng, dịch vụ khoa học kỹ thuật.

TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá: được dùng để phản ánh các khoản thu từ trợ cấp, trợ giá của Nhà nước khi doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước

TK 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

TK5118: Doanh thu khác

+ Kết cấu TK511

Nợ 511	Có
- Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán trong kỳ. - Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại - Kết chuyển doanh thu thuần	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán

* Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

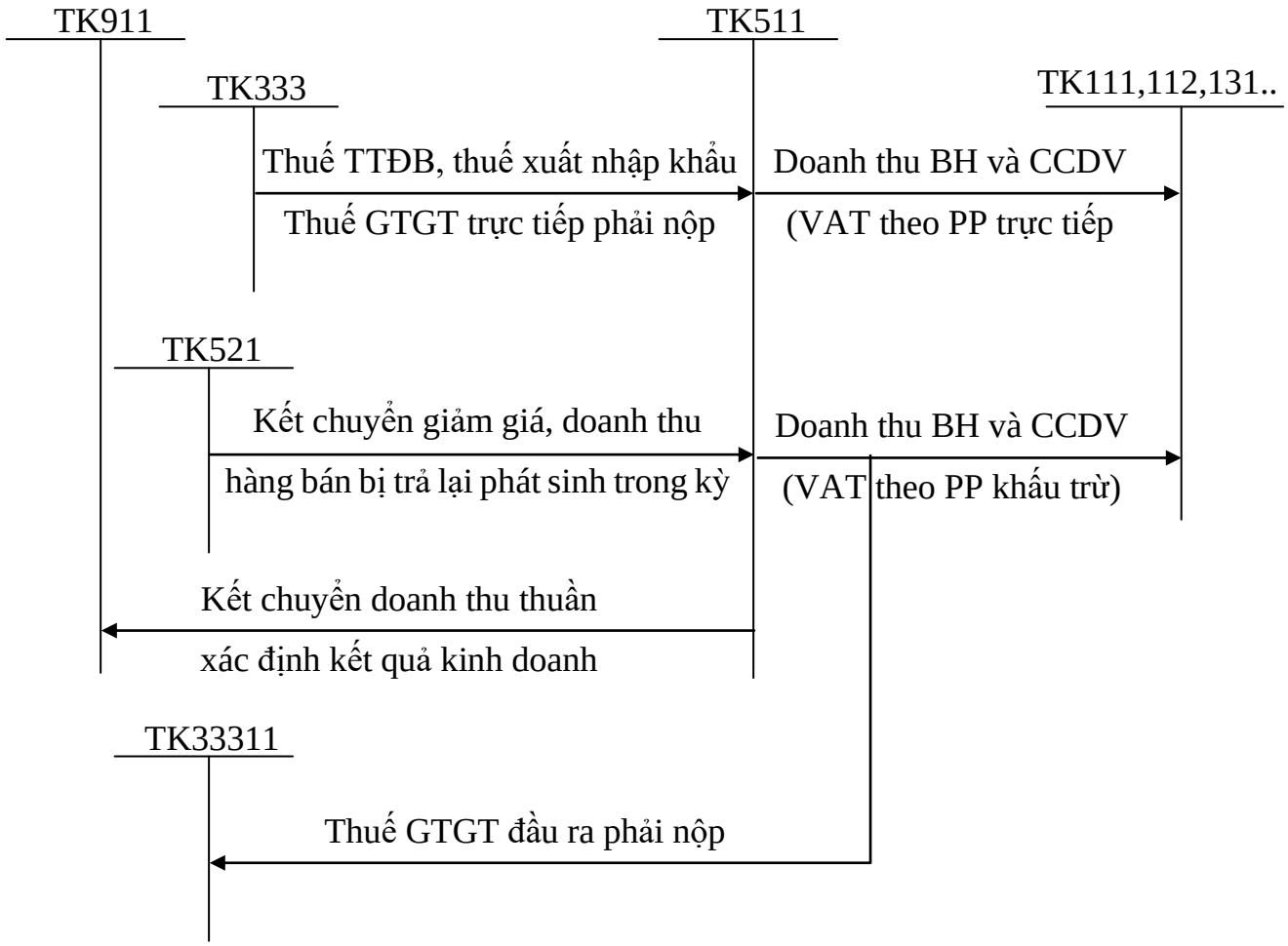

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

* *Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ:

+ Hoá đơn GTGT

+ Phiếu chi

+ Giấy báo nợ ...

- Tài khoản sử dụng

+ TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh: chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại, và các khoản giảm giá hàng bán cho người

mua trong kỳ.

+ TK 521: Không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2

TK5211: Chiết khấu thương mại

TK5212: Hàng bán bị trả lại

TK5213: Giảm giá hàng bán

+ Kết cấu TK 521

Nợ 521	Có
- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính vào nợ phải thu của khách hàng. - Các khoản giảm giá hàng bán	- Kết chuyển toàn bộ các khoản trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

* Phương pháp hạch toán

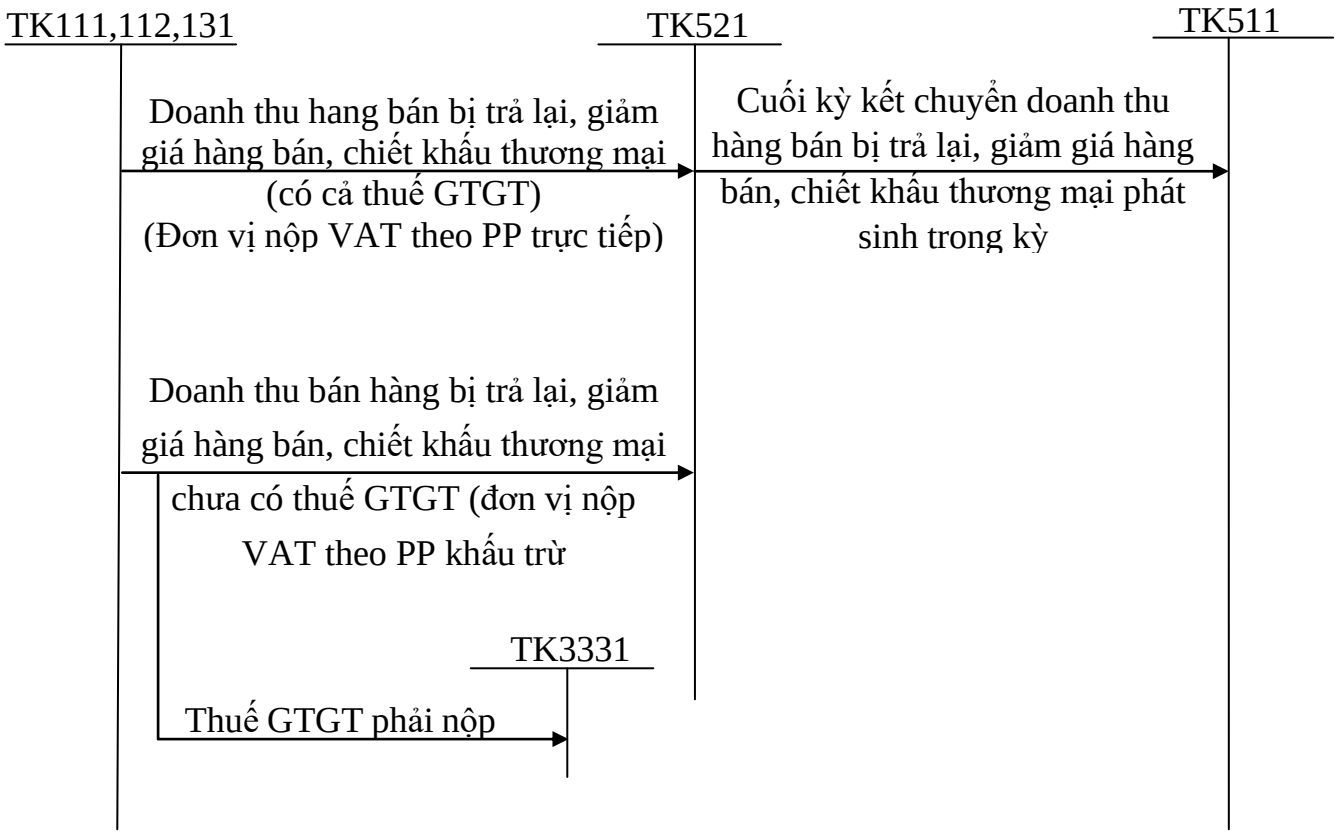

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4.3. Kế toán giá vốn hàng bán

** Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho*

- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ + Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ + Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j = của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- Phương pháp bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc

hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

** Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

+ Hóa đơn GTGT (trường hợp mua bán thẳng)

- Tài khoản sử dụng

TK632: Giá vốn hàng bán

Là tài khoản dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tê của lao vụ dịch vụ hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ

* Phương pháp hạch toán

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

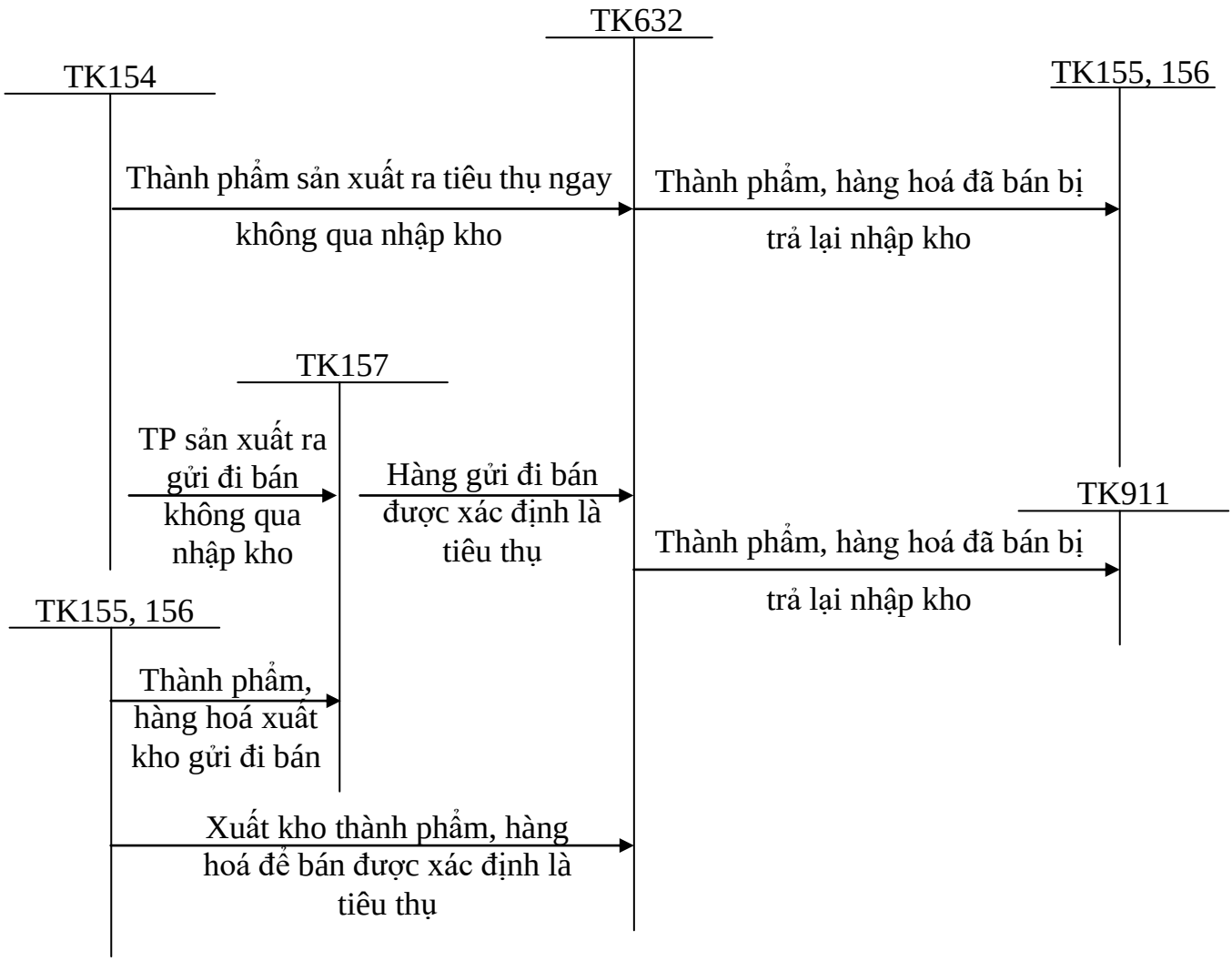

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

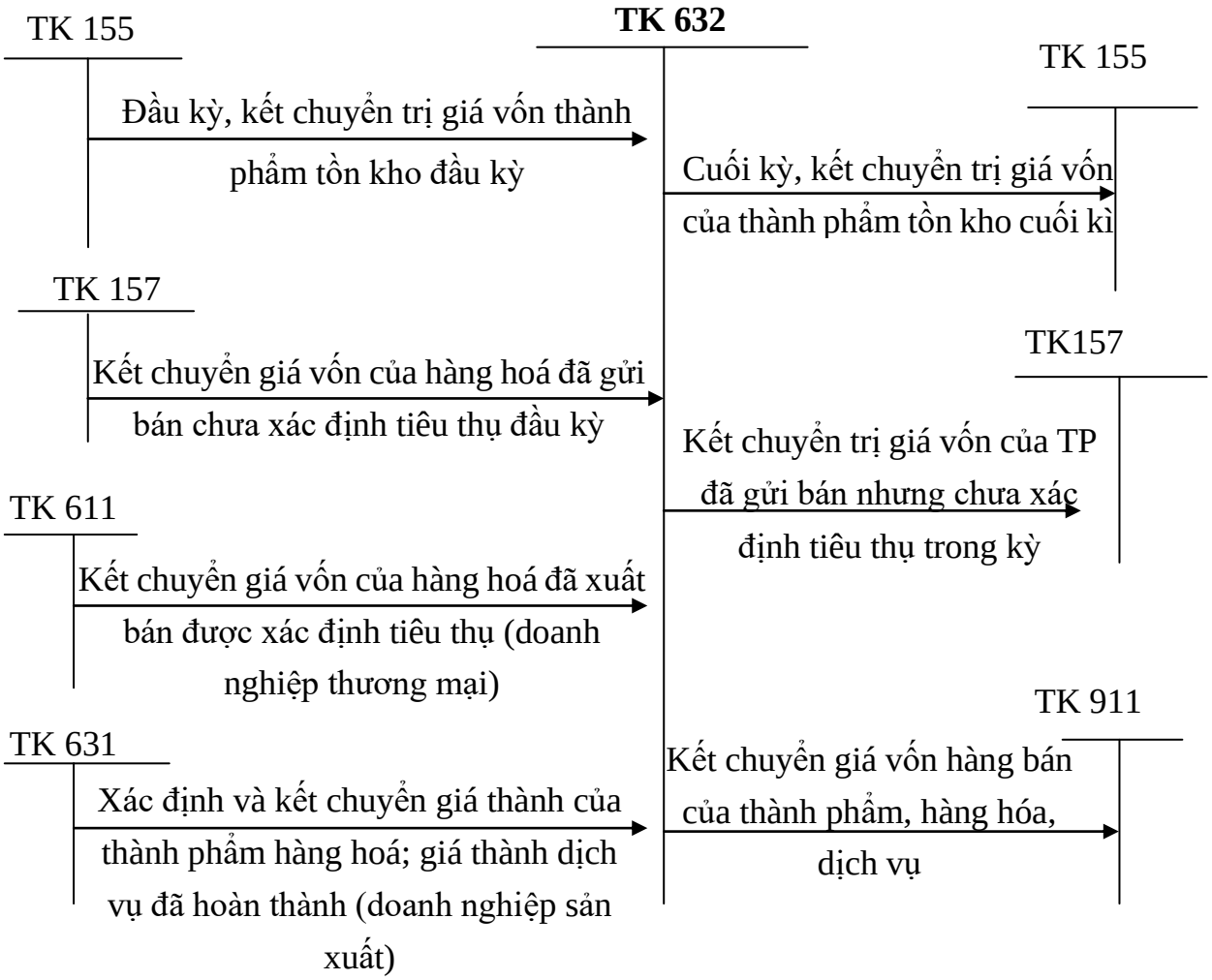

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.4.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

1.4.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

**Chứng từ và tài khoản sử dụng*

-Chứng từ sử dụng:

+ Hoá đơn GTGT

+ Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu

+ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

+ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

+ Các chứng từ khác có liên quan...

-Tài khoản sử dụng

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, bảo hành sản phẩm, hoa hồng bán hàng ...

- Kế toán sử dụng Tài khoản 641 - "Chi phí bán hàng"

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2:

+ TK 6411: Chi phí nhân viên.

+ TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.

+ TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng

+ TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.

+ TK 6415: Chi phí bảo hành.

+ TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

1.4.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

**Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

+ Bảng khấu hao TSCĐ

+ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội...

+ Các chứng từ gốc có liên quan...

-Tài khoản sử dụng

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Kế toán sử dụng Tài khoản 642 - "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2

+ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

+ TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

+ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

+ TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.

+ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

+ TK 6426: Chi phí dự phòng

+ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

- Kết cấu TK 641, 642

Nợ 641, 642	Có
- Chi phí BH,QLDN phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí BH,QLDN trong kỳ - Kết chuyển chi phí BH,QLDN vào TK911

* Phương pháp hạch toán:

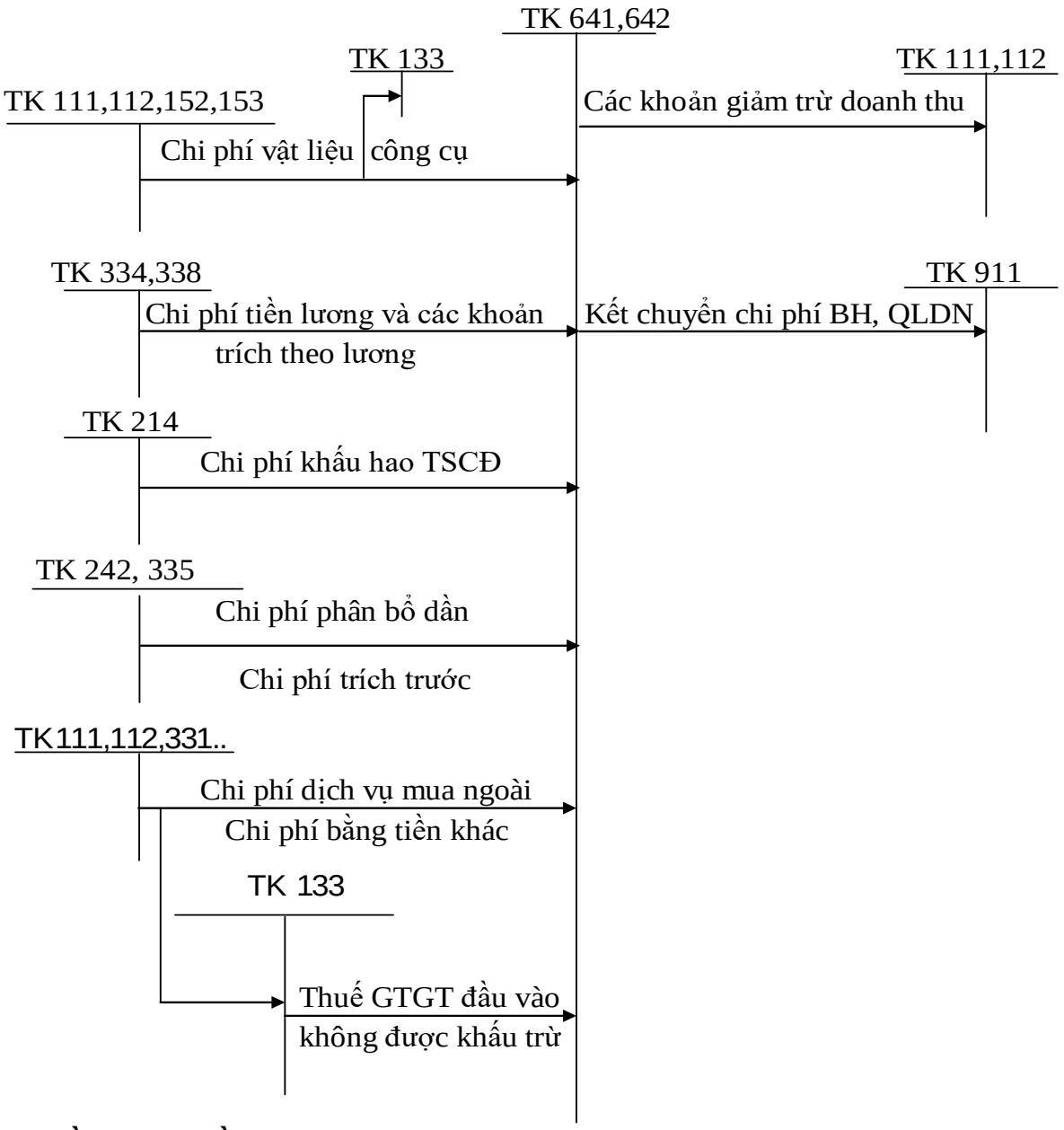

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính

** Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu thu, phiếu chi

+ Giấy báo nợ, giấy báo có

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Tài khoản sử dụng:

TK515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập về các khoản đầu tư khác, ...

Nợ 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911	- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

- TK635: Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Nợ 635	Có
- Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ	- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Kết chuyển chi phí tài chính sang TK911

** Phương pháp hạch toán*

- Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

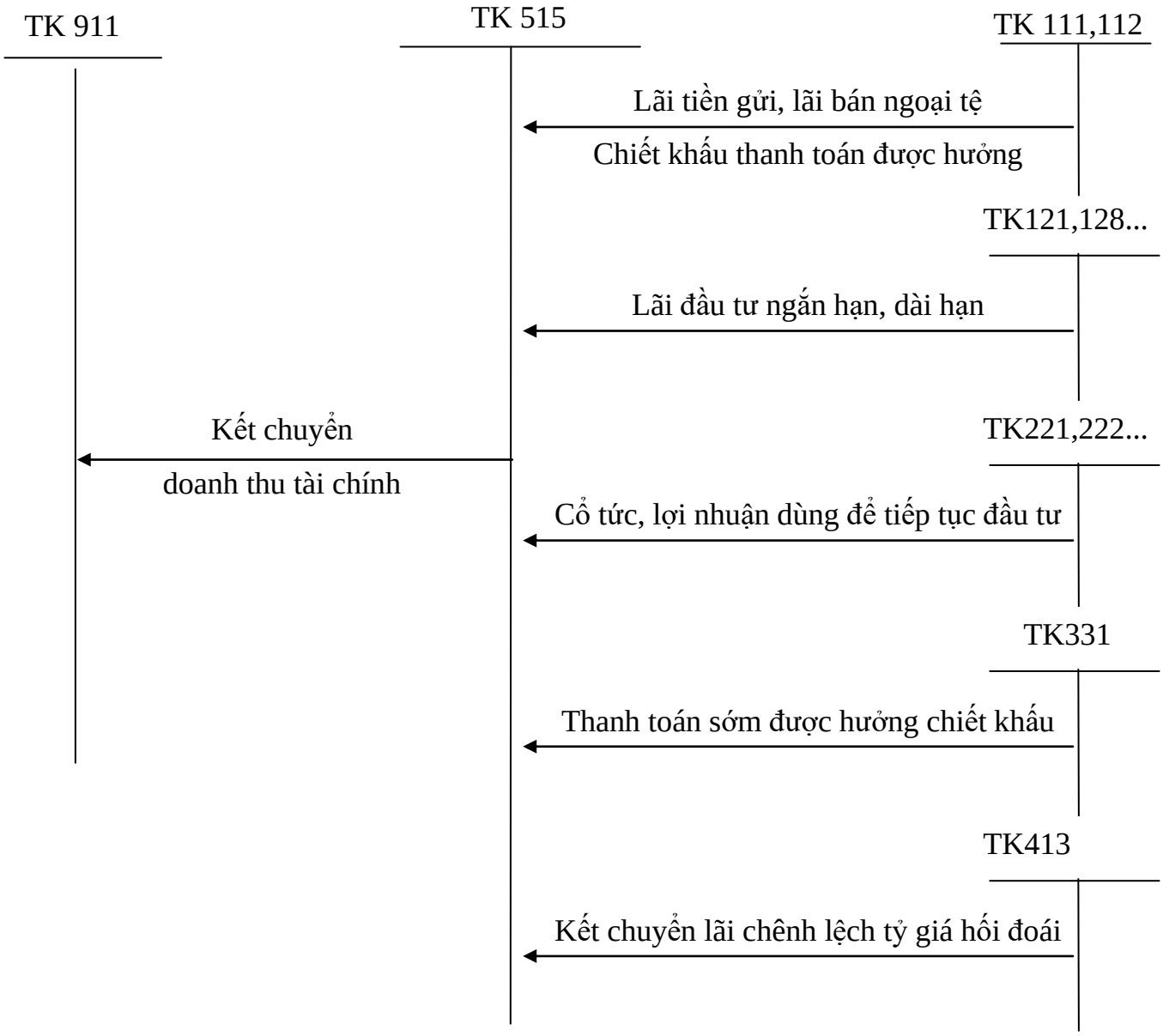

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

- Phương pháp hạch toán chi phí tài chính

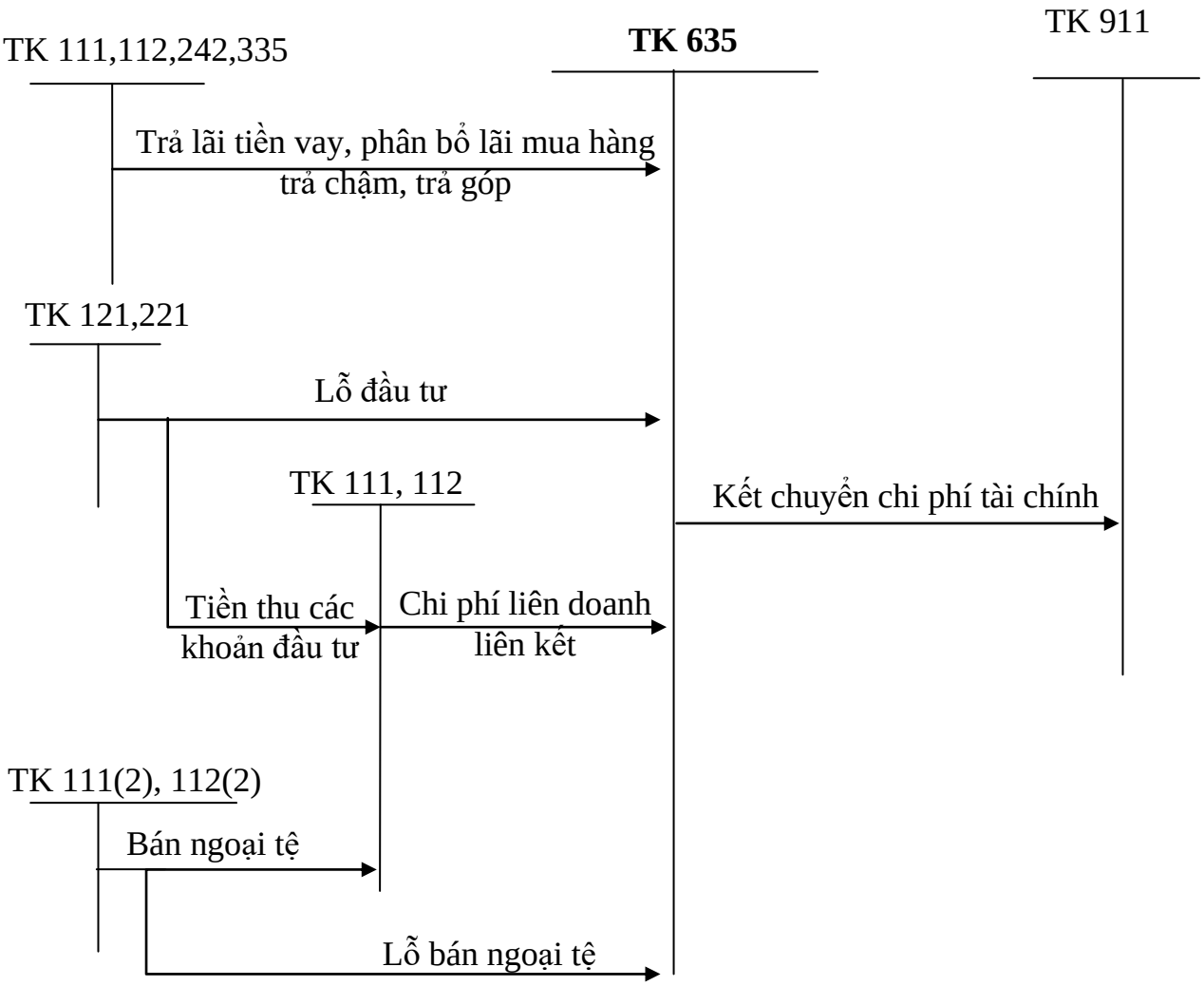

Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.6. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và hoạt động khác

** Chứng từ và tài khoản sử dụng:*

- Chứng từ sử dụng

+ Phiếu thu, phiếu chi

+ Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

+ Các chứng từ khác có liên quan

- Tài khoản sử dụng

+ TK711: Thu nhập khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp

đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật các tổ chức, cá nhân tặng cho DN, các thu nhập khác ...

+ Kết cấu TK711

Nợ 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

- TK 811: Chi phí khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chí phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác...

+ Kết cấu TK811:

- Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911

Nợ 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ	- Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK911

* Phương pháp hạch toán

- Phương pháp hạch toán thu nhập hoạt động khác

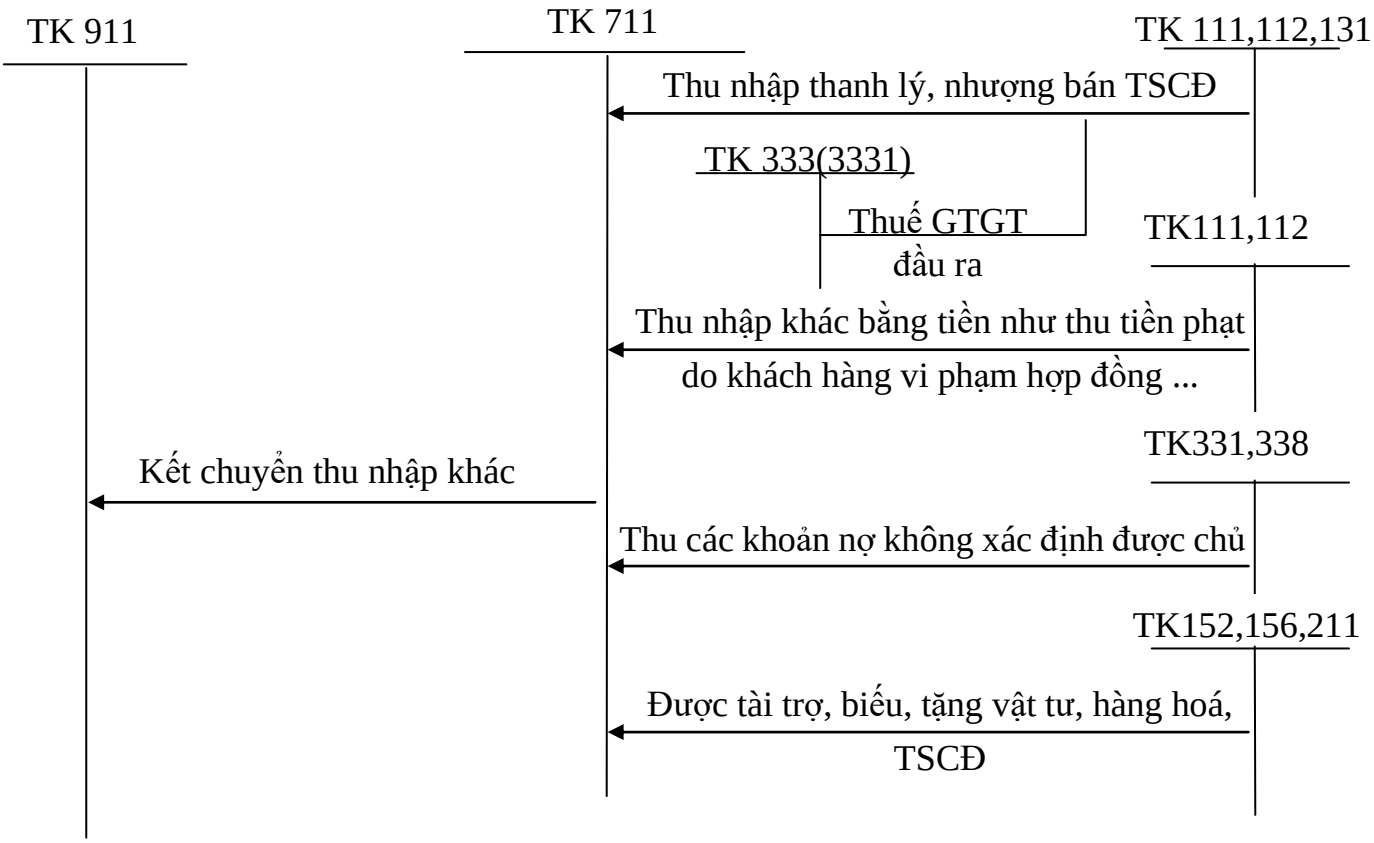

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

- Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động khác

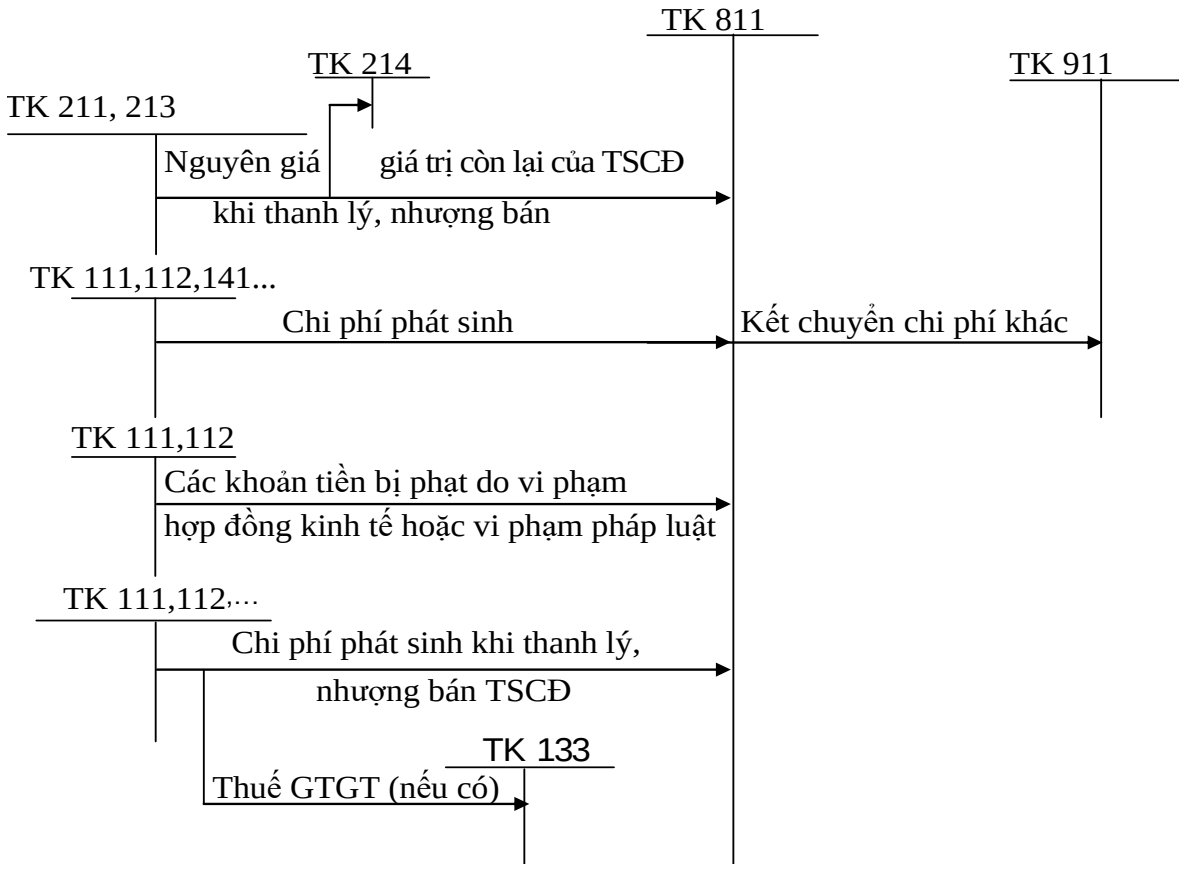

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.7. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

* Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng

+ Phiếu kế toán

- Tài khoản sử dụng

+ TK421: Lợi nhuận chưa phân phối

+ TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

+ TK911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. TK421 có thể có số dư Nợ hoặc dư Có:

+ Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

+ Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

+ TK421 có 2 tài khoản cấp 2:

TK4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

- Phương pháp hạch toán

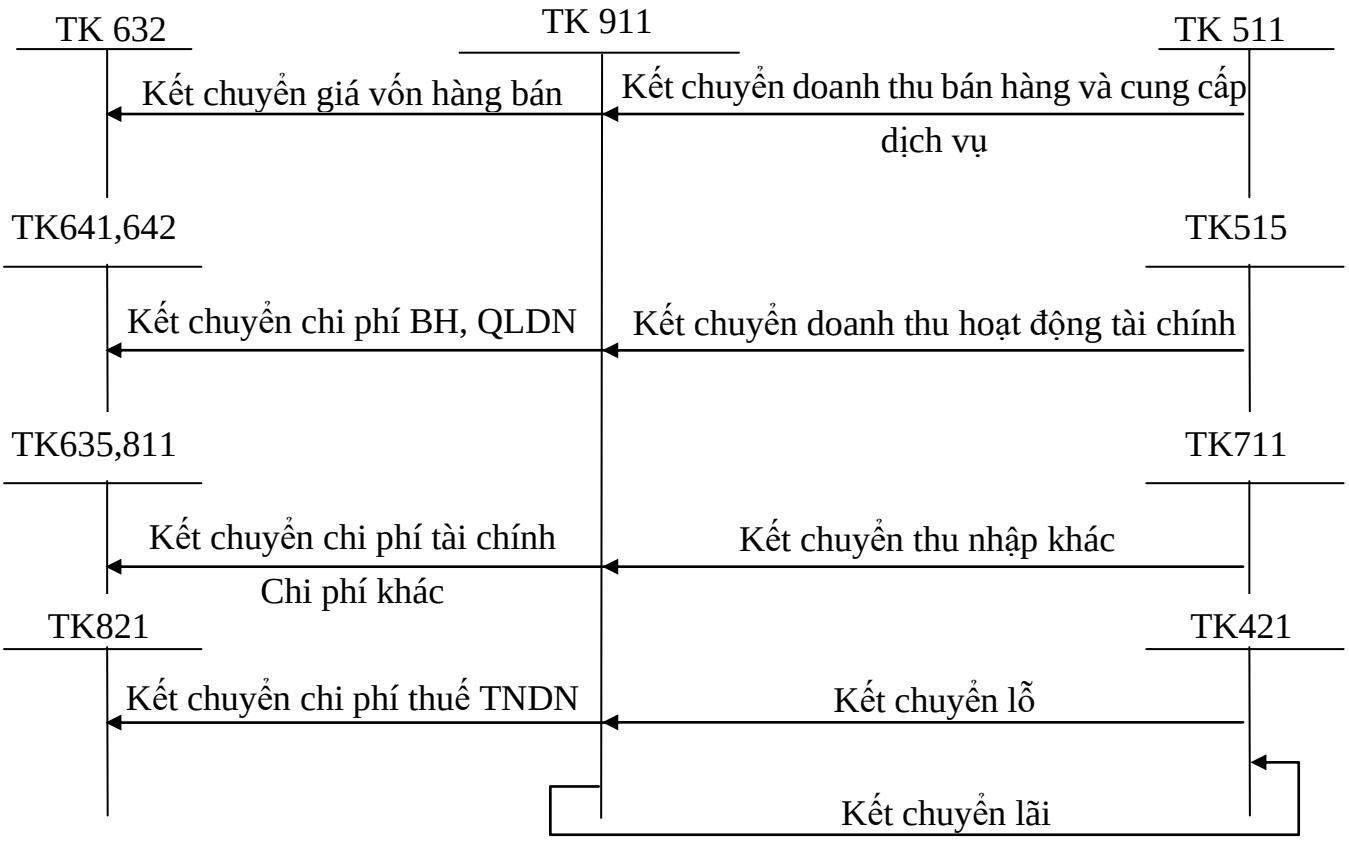

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.8. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

** Hình thức kế toán nhật ký chung*

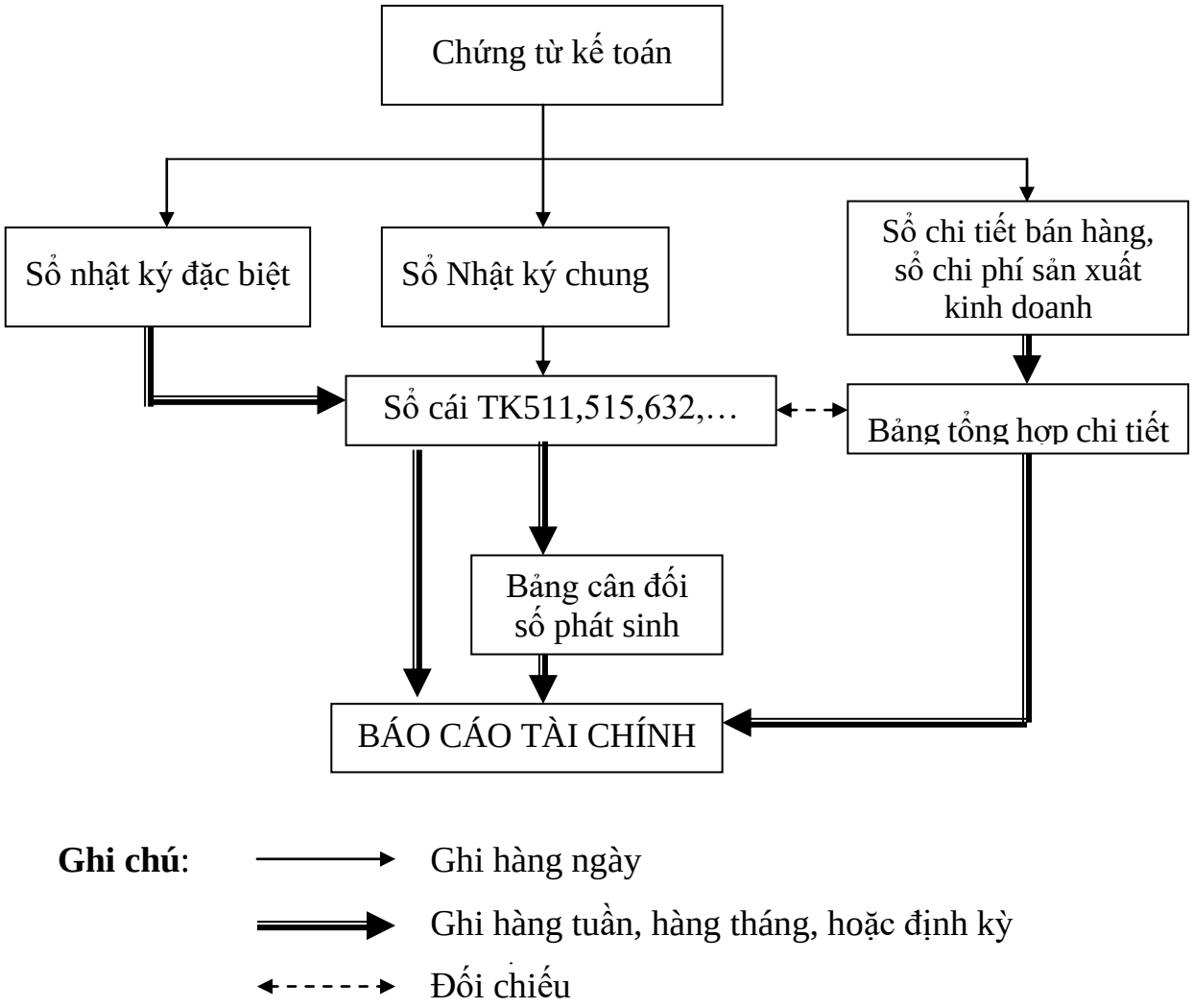

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

**** Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái***

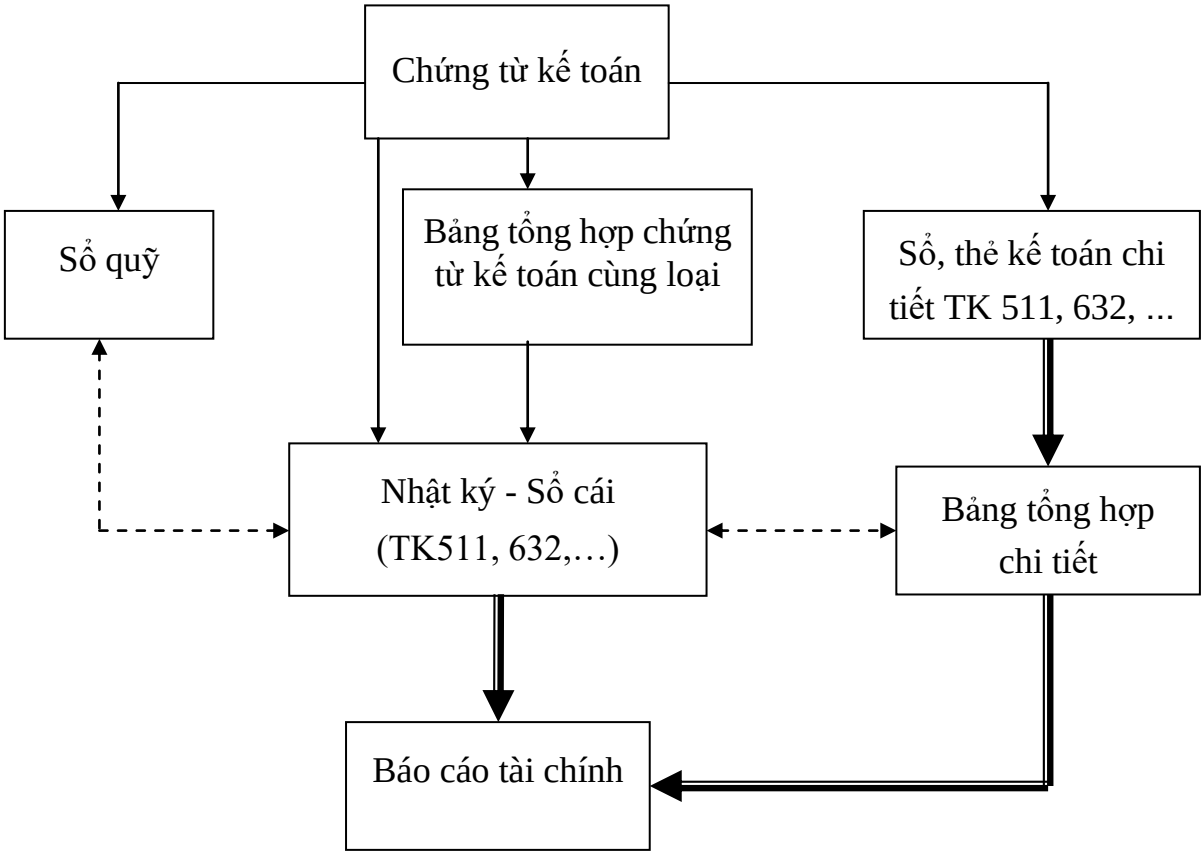

Ghi chú: Ghi hàng ngày

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

**** Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ***

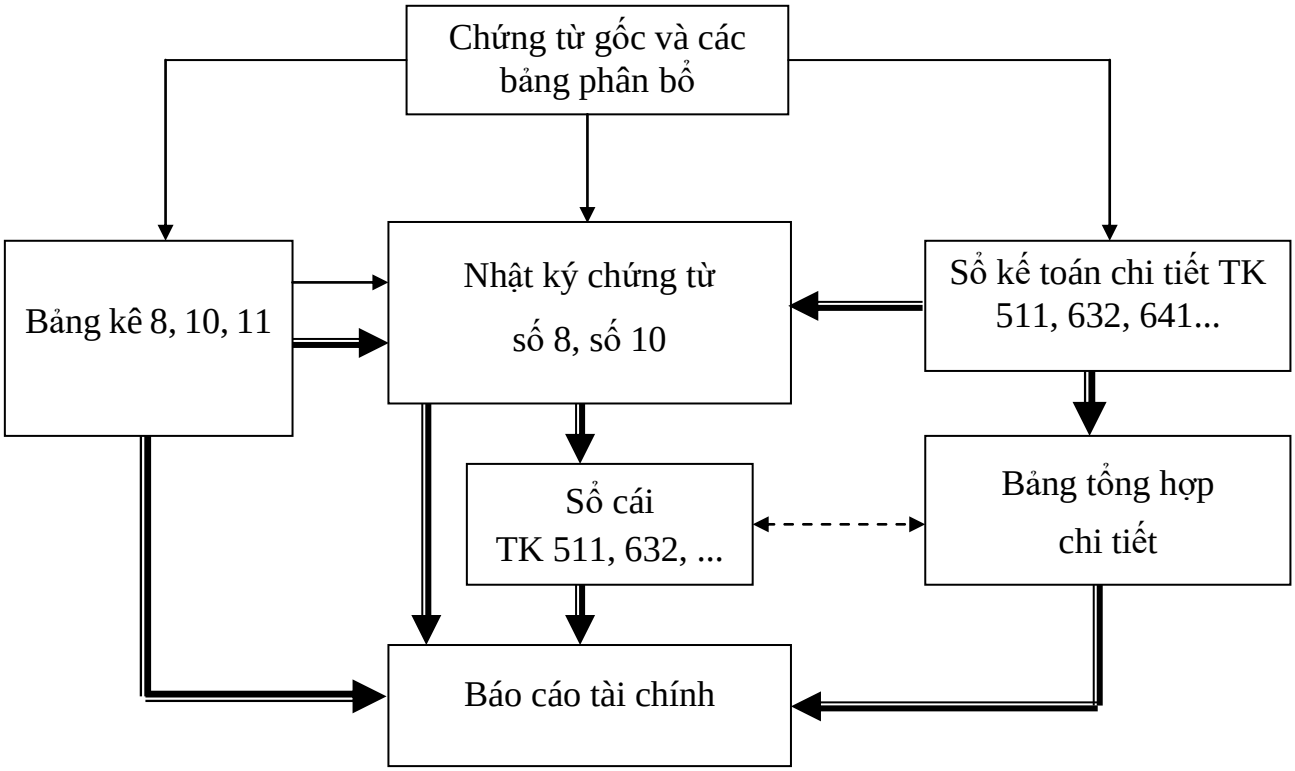

Ghi chú: Ghi hàng ngày

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

** Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:*

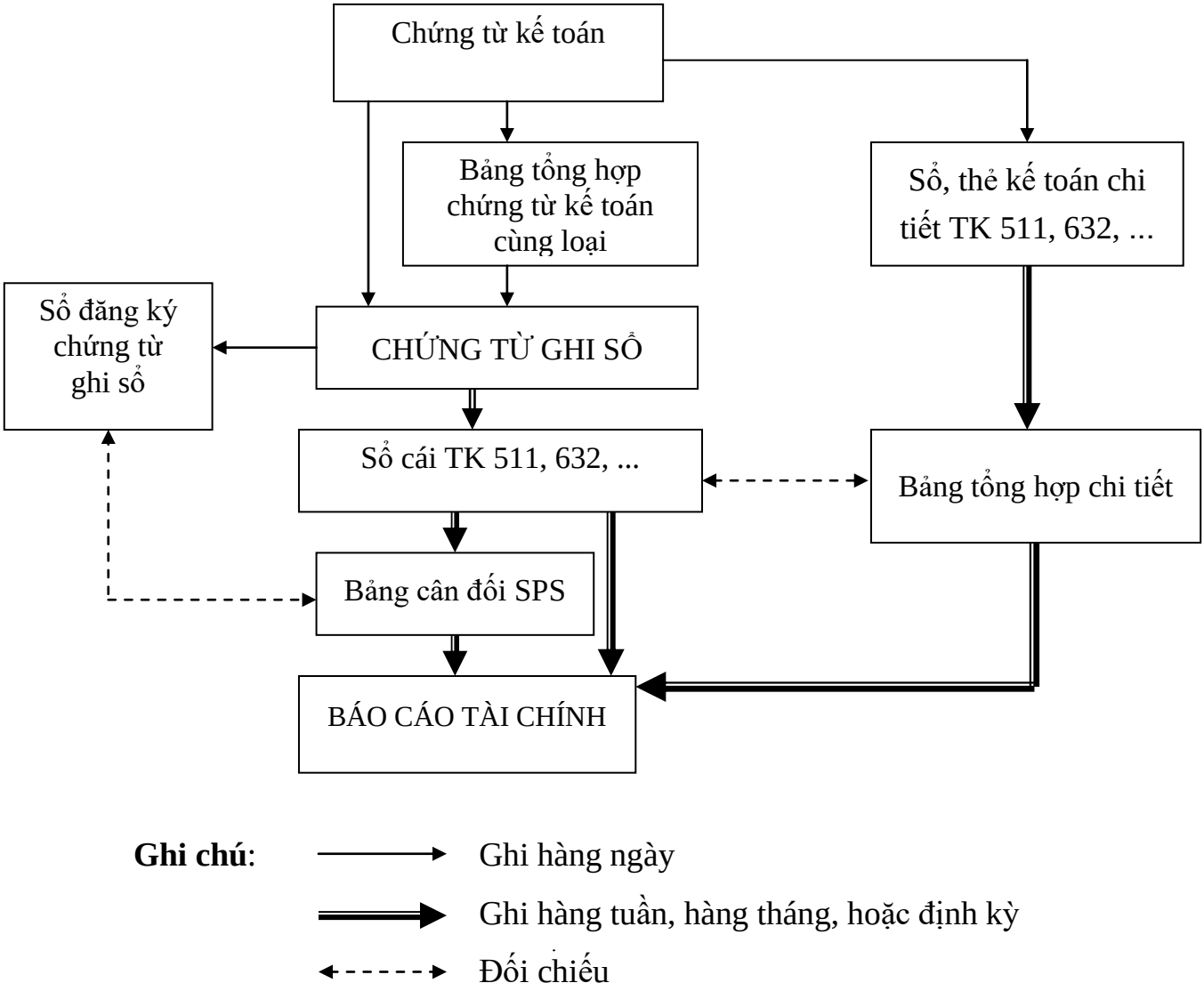

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

**** Hình thức kế toán máy***

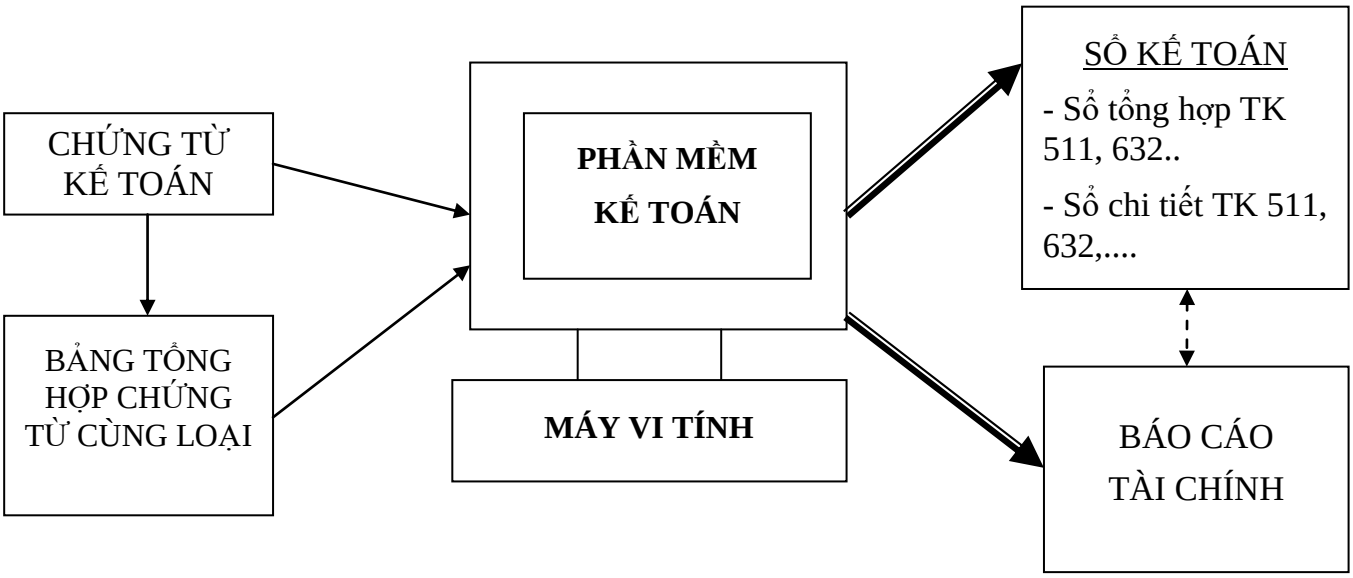

Ghi chú: Ghi hàng ngày

Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ

Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢNG THÀNH VIỆT NAM

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

- Tên công ty: Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
- Tên tiếng anh: Quang Thanh Viet Nam Company limited
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn
- Trụ sở chính: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0201285267
- Điện thoại: 0313545378
- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh sản phẩm hóa chất

…

- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VNĐ

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Tổng doanh thu thuần	18.459.163.252	24.654.175.673
2. Tổng GVHB	17.063.456.973	22.529.356.276
3. Tổng lợi nhuận gộp	1.395.706.279	2.124.819.397
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	175.946.089	1.159.348.658
5. Thuế và các khoản phải nộp NSNN	35.189.217	231.869.732
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	140.756.872	927.478.926

2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

* Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam theo lĩnh vực hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài

chính và hoạt động khác.

* Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị

* Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam theo năm.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

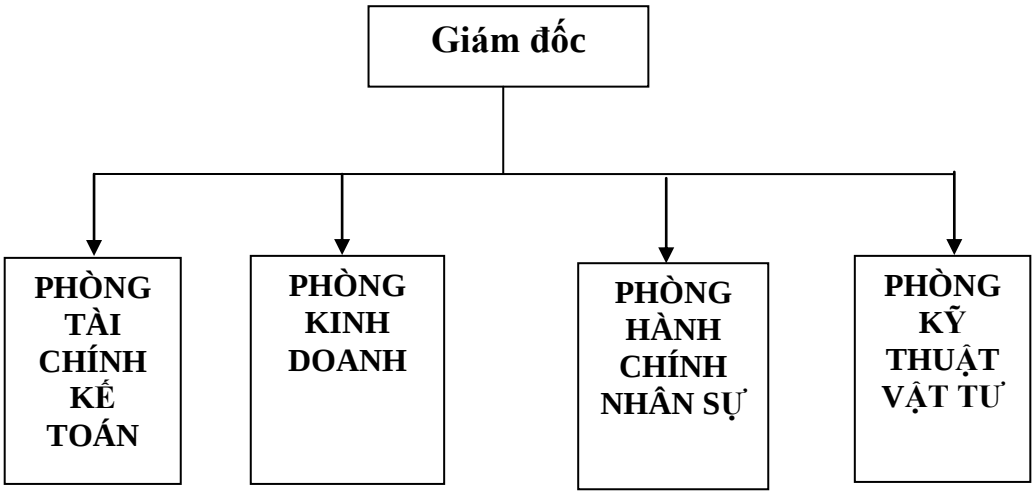

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý trong công ty

❖ *Giám đốc*: là người đại diện về mặt pháp lý của công ty. Do đó, Giám đốc có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tổ chức bộ máy quản lý và thay mặt đơn vị ký kết các hợp đồng quan trọng, ký các quyết định, các văn bản pháp lý do công ty ban hành phục vụ cho mục đích quản lý.
- Là người thay mặt đơn vị thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của công ty đối với Nhà nước và các tổ chức xã hội.
- Là người lãnh đạo cao nhất của đơn vị, có nhiệm vụ quản lý toàn diện và điều hành hoạt động hàng ngày của công ty.
- Là người quyết định cao nhất các vấn đề quan trọng, mang tính chiến lược của công ty như bảo toàn và phát triển nguồn vốn của công ty, quyết định mở rộng thị trường, thay đổi các chính sách kinh doanh….

❖ *Phòng kinh doanh có chức năng sau:*

- Xây dựng kế hoạch chiến lược sản phẩm, kế hoạch kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm hàng năm.
- Giao kế hoạch tiêu thụ hàng tháng, hàng quý, hàng năm cho các đơn vị thực hiện, kiểm điểm theo dõi công tác thực hiện kế hoạch của các đơn vị đảm bảo thực hiện tiến độ theo như đã dự trù.
- Lập kế hoạch nguyên vật liệu, hàng hoá phục vụ cho kinh doanh, cho quản lý, tổ chức, giám sát, kiểm tra xuất nhập tồn hàng hoá theo kế hoạch kinh doanh đã được duyệt.
- Tổ chức, thực hiện và lập kế hoạch về điều tra nghiên cứu thị trường để xây dựng các kế hoạch về giá thành cho từng loại sản phẩm. Tham mưu đề xuất giá bán, các chính sách về giá phù hợp với tình hình tiêu thụ kinh doanh của công ty.
- Xem xét xem có cần thiết phải thay đổi mẫu mã cho phù hợp với thị hiếu của khách hàng trước khi đem chào bán để lập kế hoạch xây dựng, thiết kế lại bao bì, mẫu mã sản phẩm.
- Xây dựng kế hoạch tiếp thị, quảng cáo, chào hàng, các chiến lược về chính sách thanh toán, hình thức thanh toán, hình thức bán hàng.
- Điều hành các hoạt động bán hàng mà công ty xây dựng, tìm nhà phân phối cũng như các kênh phân phối sản phẩm.
- Đề xuất các chính sách khuyến mại, chính sách giảm giá và chiết khấu cho các mặt hàng của công ty để tạo thuận lợi cho công tác bán hàng.
- Đào tạo, giám sát, tác động tới lực lượng bán hàng, đại lý, lựa chọn đại lý trong mạng lưới phân phối.
- Xây dựng các chính sách để phát triển các mối quan hệ với khách hàng, thu hút các khách hàng mới.
- Điều tra trên thị trường về nhu cầu thị hiếu của khách hàng, xem xét sản phẩm của công ty đang phát triển ở giai đoạn nào, các điểm yếu trong bao bì, mẫu mã sản phẩm.
- Quản lý, giám sát, kiểm tra hoạt động của Ban dự án bán lẻ.

❖ *Phòng hành chính nhân sự có chức năng sau:*

- Quản lý, phân công, sắp xếp cán bộ, công nhân theo yêu cầu của các bộ phận liên quan cũng như bố trí các nhân viên vào các vị trí phù hợp với trình độ.
- Xây dựng các chính sách, thực hiện tuyển dụng lao động cho phù hợp với yêu cầu của công ty.
- Xây dựng kế hoạch tiền lương, lập kế hoạch quỹ lương, trích quỹ lương theo các quy chế về tiền lương mà đơn vị đã xây dựng, phát triển các chính sách khen thưởng sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh.
- Thực hiện các chính sách đãi ngộ với người lao động theo quy chế của công ty và theo các chính sách của Nhà nước đã ban hành.
- Quản lý hồ sơ lý lịch, xác định các yêu cầu về trình độ chuyên môn cho các cán bộ, công nhân viên trong công ty.

❖ *Phòng tài chính - kế toán có chức năng sau:*

- Thu thập và xử lý thông tin, các số liệu kế toán theo nội dung công việc, theo chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.
- Kiểm tra, giám sát các khoản thu chi, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản, phát hiện những bất cập trong luân chuyển chứng từ tại công ty và ngăn ngừa những hành vi vi phạm pháp luật về tài chính - kế toán.
- Giám sát, kiểm tra quá trình lập hóa đơn, chứng từ thanh toán và lưu trữ hóa đơn, chứng từ liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng pháp luật kế toán và các chế độ chính sách của Nhà nước.
- Phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu và đề xuất những giải pháp phục vụ cho yêu cầu quản trị nội bộ.
- Cung cấp thông tin kế toán theo quy định của pháp luật .
- Định kỳ, trình lên phó giám đốc tài chính duyệt các bản kế hoạch dự trù cho hoạt động của đơn vị trong năm sau.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý của đơn vị với Nhà nước và các tổ chức xã hội.
- Thực hiện công việc tư vấn pháp lý cho Ban giám đốc như: những thủ tục

cần thực hiện khi xuất khẩu hàng hóa…

- Giải đáp các thắc mắc về các quyền và nghĩa vụ pháp lý khi cần cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như thuế…

❖ *Phòng kỹ thuật vật tư có chức năng sau:*

- Tổ chức, tham gia quá trình lựa chọn người cung cấp các vật tư, các yếu tố đầu vào. Không chấp nhận hoặc trả lại hàng kém chất lượng cho người cung ứng hàng hoá.
- Cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho sản xuất. Lên kế hoạch xây dựng hàng tồn kho.
- Thực hiện các dịch vụ tư vấn khách hàng để nâng cao uy tín, hình ảnh của công ty: giải đáp các thắc mắc của khách hàng về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng sản phẩm cho khách hàng…
- Phát hiện và tiếp nhận các loại hàng kém chất lượng do khách hàng đem trả. Đưa ra những đề xuất để giải quyết các vấn đề còn tồn tại trong chất lượng, mẫu mã, giá cả, phương thức thanh toán thông qua các thông tin khách hàng gọi đến để yêu cầu trả lời và báo cáo với Ban giám đốc.

2 1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Quảng Thành.

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước - xuất trước
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Chế độ và chuẩn mực kế toán áp dụng: Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

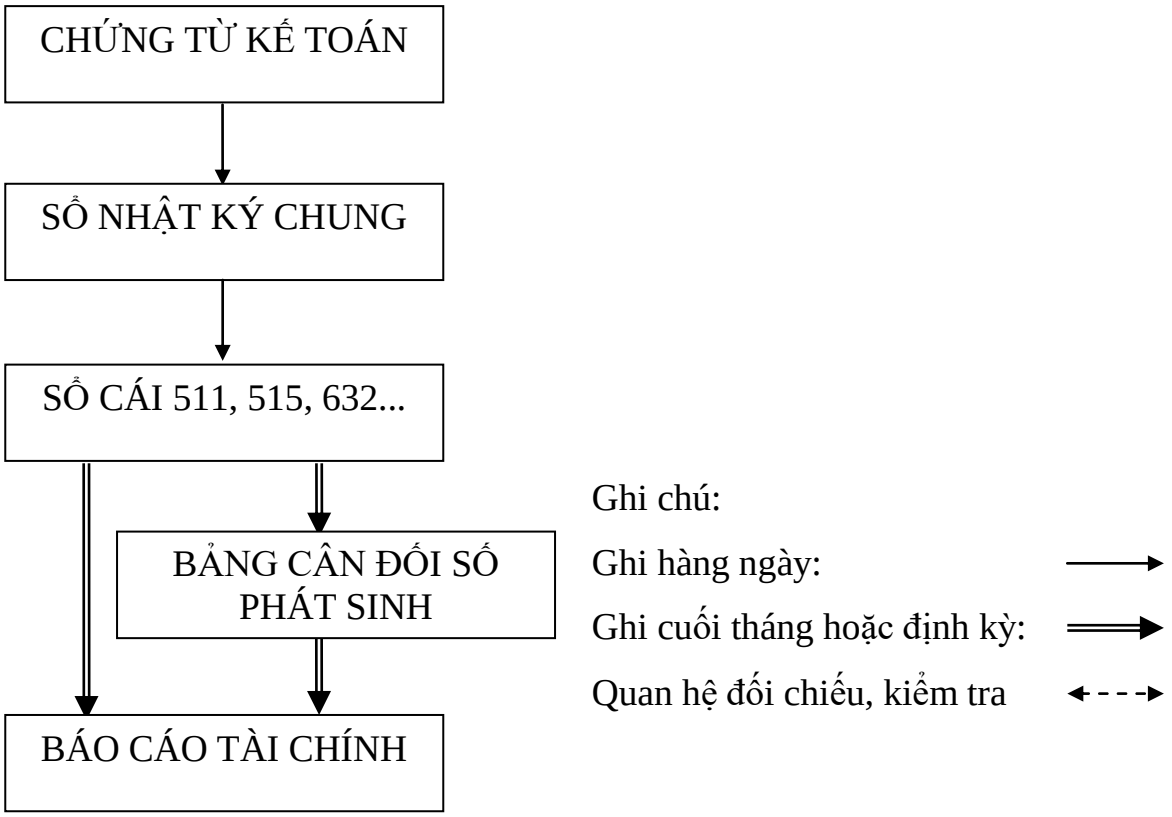

Sơ đồ 2.2. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Quảng Thành VN

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

2 2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

** Chứng từ và sổ kế toán sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng...

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK511

Ví dụ minh họa 1:

Ngày 15/12, Bán 150 kg keo dán loại 96L-3 cho cửa hàng Secoo theo HĐ số 0000138 ngày 15/12/2015, đơn giá 120.000 đồng/kg (chưa VAT 10%), chưa thanh toán.

**Định khoản:*

Nợ TK 131: 19.800.000

Có TK511 : 18.000.000

Có TK 3331: 1.800.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000138 (Biểu số 2.1), Kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.1. Hoá đơn GTGT số HD0000138

HOÁ ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 3: Nội bộ *Ngày 15 tháng 12 năm 2015*	Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/15P Số: **0000138**

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam**

Mã số thuế: 0201285267

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313545378

Số tài khoản: 3408586 tại NH Á Châu - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cửa hàng Secoo

Mã số thuế: 0104411753

Địa chỉ: Số 3, ngõ 107A, Tôn Đức Thắng, Hà Nội

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Keo dán 96L-3	Kg	150	120.000	18.000.000
Cộng tiền hàng:					18.000.000
Thuế GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:				1.800.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.800.000

Số tiền viết bằng chữ: *Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.*

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký và đóng dấu)*

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Ví dụ minh họa 2:

Ngày 21/12: Bán 2000 Kg keo dán loại 15R cho công ty TNHH MTV giầy Thượng Đình theo hóa đơn GTGT số 0000152 ngày 21/12/2015, đơn giá 110.000 đồng/kg (chưa thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Định khoản:

Nợ TK 112 : 242.000.000

Có TK511 : 220.000.000

Có TK 3331: 22.000.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000152 (Biểu số 2.2) và Giấy báo có của ngân hàng Á Châu số 0695 (Biểu số 2.3) kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6).

Biểu số 2.2. Hoá đơn GTGT số HD0000152

HOÁ ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 3: Nội bộ *Ngày 21 tháng 12 năm 2015*	Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/15P Số: **0000152**

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam**

Mã số thuế: 0201285267

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313545378

Số tài khoản: 3408586 tại NH Á Châu - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH Một Thành Viên Giầy Thượng Đình

Mã số thuế: 0100100939

Địa chỉ: Số 277, đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Keo dán 15R	Kg	2.000	110.000	220.000.000
Cộng tiền hàng:					220.000.000
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					22.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán					242.000.000
Số tiền viết bằng chữ: *Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng.*					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký và đóng dấu)*

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.3. Giấy báo có của ngân hàng Á Châu

ACB ASIA COMMERCIAL BANK	**GIẤY BÁO CÓ**	Mã GDV: BTTA
	Ngày 21/12/2015	Mã KH: 28468
		Số GD: 05682

Ngân hàng Á Châu
Chi nhánh: ACB - Hải Phòng

Kính gửi: CÔNG TY TNHH QUẢNG THÀNH VIỆT NAM

Mã số thuế: 0201285267

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 3408586

Số tiền bằng số: 242.000.000

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Công ty TNHH MTV giầy Thượng Đình thanh toán HĐ 0000152.

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Ví dụ minh họa 3:

Ngày 21/12/2015, Bán 100 kg keo dán loại 96L-3 cho cửa hàng Giày 99 theo hóa đơn GTGT số 0000155, đơn giá 120.000đồng/kg (chưa thuế VAT 10%) đã thanh toán bằng tiền mặt

***Định khoản**:*

NợTKlll : 13.200.000

CóTK511 : 12.000.000

Có TK 3331: 1.200.000

Căn cứ vào hóa đơn số 0000155 (Biểu số 2.4), kế toán tiến hành lập phiếu thu số 12-045 (Biểu số 2.5). Từ hóa đơn 0000155 và phiếu thu số 12-045 kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.4. Hoá đơn GTGT số HD0000155

HOÁ ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 3: Nội bộ *Ngày 21 tháng 12 năm 2015*	Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/15P Số: **0000155**

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam**

Mã số thuế: 0201285267

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313545378

Số tài khoản: 3408586 tại NH Á Châu - Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cửa hàng Giầy 99

Mã số thuế: 0100075001

Địa chỉ: 30, Cù Chính Lan, Thanh Xuân, Hà Nội.

Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Keo dán 96L-3	Kg	100	120.000	12.000.000
Cộng tiền hàng:					12.000.000
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1.200.000
Tổng cộng tiền thanh toán					13.200.000
Số tiền viết bằng chữ: *Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn*					

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký và đóng dấu)*

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.5. Phiếu thu số 12-045

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng	Mẫu số: 01 - TT (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU THU

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Số: 12-045

Nợ TK111: 13.200.000

Có TK511: 12.000.000

Có TK3331: 1.200.000

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Lan Hương

Địa chỉ: Cửa hàng Giầy 99

Lý do nộp: Thanh toán tiền hàng của HĐ 0000155

Số tiền: 13.200.000

Bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ qũy
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.6. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
15/12	HĐ138	15/12	Bán keo dan 96L-3 cho cửa hàng Secoo	131	19.800.000	
				511		18.000.000
				3331		1.800.000
...	...	...	...	...	...	...
21/12	HĐ152 BC5682	21/12	Bán keo dán 15R Công ty TNHH MTV Giầy Thượng Đình	112	242.000.000	
				511		220.000.000
				3331		22.000.000
...	...	...	...	...	...	...
21/12	HĐ155 PT12-045	21/12	Bán keo dán 96L-3 cửa hàng Giầy 99	111	13.200.000	
				511		12.000.000
				3331		1.200.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**88.540.480.152**	**88.540.480.152**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.7)

Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK511

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2015
Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Số hiệu: 511

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
15/12	HĐ138	15/12	Bán keo dán 96L-3 cho cửa hàng Secoo	131		18.000.000
...	...	...	...	...	...	...
21/12	HĐ152 BC5682	21/12	Bán keo dán 15R cho Công ty TNHH MTV Giầy Thượng Đình	112		220.000.000
...	...	...	...	...	...	...
21/12	HĐ155 PT12-045	21/12	Bán keo dán 96L-3 cho cửa hàng giày 99	111		12.000.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	911	24.654.175.673	
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**24.654.175.673**	**24.654.175.673**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

2.2.1.2. *Kế toán giá vốn hàng bán*

* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

+ Các chứng từ khác có liên quan...

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK632

*Phương pháp hạch toán

Ví dụ minh họa 1:

Ngày 15/12, Bán 150 kg keo dán loại 96L-3 cho cửa hàng Secoo theo HĐ số 0000138 ngày 15/12/2015.

Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (biểu số 2.8), kế toán tiến hành xác định đơn giá hàng xuất kho rồi lập phiếu xuất kho số 12-010 (Biểu sổ 2.9).

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước - xuất trước):

Kế toán lấy số lượng 150 * 58.000 (Đơn giá tồn đầu kỳ) = 8.700.000

Căn cứ vào PXK số 12-010, kế toán định khoản giá vốn bán hàng :

Nợ TK 632 : 8.700.000

Có TK 156 : 8.700.000

Từ đó ghi vào sổ nhật ký chung như biểu 2.14

Biểu số 2.8. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 156

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Keo dán 96L-3

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		58.000					10.000	580.000.000
PXK12-010	15/12	Xuất hàng theo HD138	632	58.000			150	8.700.000	9.850	571.300.000
PXK12-025	21/12	Xuất hàng theo HĐ 155	632	58.000			100	5.800.000	9.750	565.500.000
...		...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng tháng					2.150	124.700.000		
		Số dư cuối kỳ							7.850	455.300.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ Kế toán trưởng Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.9. Phiếu xuất kho số 12-010

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Số: 12-010

Nợ TK632:

Có TK156:

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Hưng

Địa chỉ: Cửa hàng Secoo

Lý do xuất kho: Xuất hàng bán cho khách

Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Keo dán 96L-03		Kg	150	150	58.000	8.700.000
	Cộng						**8.700.000**

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Tám triệu bảy trăm ngàn đồng chẵn

Ngày 15 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Ví dụ minh họa 2:

Ngày 21/12: Bán 2000 Kg keo dán loại 15R cho công ty TNHH MTV giầy Thượng Đình theo hóa đơn GTGT số 0000152 ngày 21/12/2015.

Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (biểu số 2.10), kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho số 12-023 (Biểu sổ 2.11)

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước - xuất trước):

Kế toán lấy số lượng 2000* 70.000 (Đơn giá tồn đầu kỳ) = 140.000.000

Căn cứ vào PXK số 12-023, kế toán định khoản giá vốn bán hàng :

Nợ TK 632 : 140.000.000

CóTK 156 : 140.000.000

Từ đó ghi vào sổ nhật ký chung theo biểu 2.14

Biểu số 2.10. Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S10-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 156

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá): Keo dán 15R

Đơn vị tính: Kg

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ		70.000					8.000	560.000.000
PXK12-023	21/12	Xuất hàng theo HĐ152	632	70.000			2.000	140.000.000	6.000	420.000.000
...		...	...	...	...	...	...	...	...	...
		Cộng tháng					3.000	210.000.000		
		Số dư cuối kỳ							5.000	350.000.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.11. Phiếu xuất kho số 12-023

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Số: 12-023

Nợ TK632:

Có TK156:

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Đình Huy

Địa chỉ: Công ty TNHH MTV Giầy Thượng Đình

Lý do xuất kho: Xuất hàng bán cho khách

Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Keo dán 15R		Kg	2.000	2.000	70.000	140.000.000
	Cộng						**140.000.000**

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một trăm bốn mươi triệu đồng chẵn.

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Ví dụ minh họa 3:

Ngày 21/12/2015, Bán 100 kg keo dán loại 96L-3 cho cửa hàng Giày 99 theo hóa đơn GTGT số 0000155.

Dựa vào Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) (biểu số 2.8), kế toán tiến hành lập phiếu xuất kho số 12-025 (Biểu sổ 2.13).

Để xác định giá vốn hàng bán (theo phương pháp nhập trước - xuất trước):

Kế toán lấy số lượng 100 * 58.000 (Đơn giá tồn đầu kỳ) = 5.800.000

Căn cứ vào PXK số 12-025, kế toán định khoản giá vốn bán hàng :

Nợ TK 632 : 5.800.000

CóTK 156 : 5.800.000

Từ đó ghi vào sổ nhật ký chung theo biểu 2.14

Biểu số 2.13. Phiếu xuất kho số 12-025

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Số: 12-025

Nợ TK632:

Có TK156:

Họ và tên người nhận hàng: Đặng Hồng Anh

Địa chỉ: Cửa hàng Giầy 99

Lý do xuất kho: Xuất hàng bán cho khách

Xuất tại kho (ngăn lô):

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Keo dán 96L-3		Kg	100	100	58.000	5.800.000
	Cộng						**5.800.000**

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Năm triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.14. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
15/12	PX12-010	15/12	Bán keo dán 96L-3 cho cửa hàng Secoo	632	8.700.000	
				156		8.700.000
...	...	...	...	...	...	...
21/12	PX12-023	21/12	Bán keo dán 15R cho Công ty TNHH NTV Giầy Thượng Đình	632	140.000.000	
				156		140.000.000
...	...	...	...	...	...	...
21/12	PX12-025	21/12	Bán keo 96L-3 cho cửa hàng Giầy 99	632	5.800.000	
				156		5.800.000
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**88.540.480.152**	**88.540.480.152**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK632 (biểu số 2.15)

Biểu số 2.15. Trích sổ cái TK632

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			…			
15/12	PX12-010	15/12	Bán keo dán 96L-3 cho cửa hàng Secoo	156	8.700.000	
...	...	...	...	...	...	...
21/12	PX12-023	21/12	Bán keo dán 15R cho Công ty TNHH MTV giầy Thượng Đình	156	140.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
21/12	PX12-025	21/12	Bán keo dán 96L-3 cho cửa hàng Giầy 99	156	5.800.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911		22.529.356.276
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**22.529.356.276**	**22.529.356.276**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bản hàng và quản lý doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu chi

+ Giấy báo nợ

+ Bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao

+ Các chứng từ khác có liên quan...

* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK641: "Chi phí bán hàng"

+ Sổ cái TK642: "Chi phí quản lý doanh nghiệp"

* ***Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 07/12: Công ty thanh toán tiền thuê xe Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải Trung Hải phục vụ vận chuyển hàng đi bán.

****Định khoản:***

Nợ TK641: 3.000.000

Nợ TK133: 300.000

Có TK111: 3.300.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000738 (Biểu số 2.16), kế toán tiến hành lập phiếu chi số 12-45 (Biểu số 2.17), sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.16. Hoá đơn GTGT số HD738

HOÁ ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 2: Giao khách hàng *Ngày 7 tháng 12 năm 2015*	Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : AA/15P Số: **0000738**

Đơn vị bán hàng: **Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vân tải Trung Hải**

Mã số thuế: 0201397852

Địa chỉ: 115B/198 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Điện thoại: 031.3540788

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam**

Mã số thuế: 0201285267

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313545378

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận tải,bốc dỡ				3.000.000
Cộng tiền hàng:					3.000.000
Thuế GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:				300.000
Tổng cộng tiền thanh toán					3.300.000
Số tiền viết bằng chữ: *Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn*					

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký và đóng dấu)*

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.17. Phiếu chi số 12-45

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng	Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU CHI

Ngày 07 tháng 12 năm 2015

Số: 12-45

Nợ TK641: 3.000.000

Có TK133: 300.000

Có TK111: 3.300.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Hưng

Địa chỉ: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vân tải Trung Hải

Lý do chi: Chi tiền thuê xe tải chở hàng và bốc dỡ hàng

Số tiền: 3.300.000

Bằng chữ: Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 07 tháng 12 năm 2015

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ qũy
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu ba trăm nghìn đồng chẵn.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Ví dụ minh họa 2:

Ngày 10/12: Chi tiền mua nước khoáng Lavie 0.35l tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Dương Minh theo hóa đơn GTGT số 0002015, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Định khoản:

Nợ TK642: 1.400.000

Nợ TK133: 140.000

Có TK111: 1.540.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0002015 (Biểu số 2.18), kế toán lập phiếu chi số 12-50 (biểu số 2.19), sau đó tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.18. Hoá đơn GTGT số 0002015

HOÁ ĐƠN **GIÁ TRỊ GIA TĂNG** Liên 2: Giao khách hàng *Ngày 10 tháng 12 năm 2015*	Mẫu số :01GTKT3/001 Ký hiệu : TH/15P Số: **0002015**

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Dương Minh

Mã số thuế: 0200733332

Địa chỉ: Số 1115 Tôn Đức Thắng, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: 04.37921452

Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam**

Mã số thuế: 0201285267

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313545378

Hình thức thanh toán: Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nước Lavie 0.35L	Thùng	20	70.000	1.400.000
Cộng tiền hàng:					1.400.000
Thuế GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT:				140.000
Tổng cộng tiền thanh toán					1.540.000

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.*

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký và đóng dấu)*

(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.19. Phiếu chi số 12-50

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng	Mẫu số: 02 - TT (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Số: 12-50

Nợ TK642: 1.400.000

Nợ TK133: 140.000

Có TK111: 1.540.000

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hường

Địa chỉ: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Dương Minh

Lý do chi: Chi mua nước uống Lavie 0.35L

Số tiền: 1.540.000

Bằng chữ: Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2015

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập phiếu	Thủ qũy
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Vi dụ minh họa 3:

Ngày 31/12: Công ty tính lương phải trả tháng 12 cho cán bộ công nhân viên, từ đó lập bảng phân bổ tiền lương và trích theo lương (Biểu số 2.20), sau đó kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.22)

Biểu số 2.20. Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: 11 - LĐTL
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Ghi có 334	Lương tính BH	Ghi có TK 338									
			Người sử dụng lao động chịu					Người lao động chịu				Cộng có TK338
			BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	
			18%	3%	1%	2%		8%	1.5%	1%		
TK 622	25.000.000	17.500.000	3.150.000	525.000	175.000	350.000	4.200.000					4.200.000
TK 641	30.000.000	17.500.000	3.150.000	525.000	175.000	350.000	4.200.000					4.200.000
TK 642	41.000.000	23.219.000	4.179.420	696.570	232.190	464.380	5.572.560					5.572.560
TK 334								4.657.520	873.285	582.190	6.112.995	11.643.800
Cộng	**96.000.000**	**58.219.000**	**10.479.420**	**1.746.570**	**582.190**	**1.164.380**	**13.972.560**	**4.657.520**	**873.285**	**582.190**	**6.112.995**	**25.616.360**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

* ***Vi dụ minh họa 4:***

Ngày 31/12: Công ty tính khấu hao tháng 12, từ đó lập Bảng tính và phân bổ khấu hao (Biểu số 2.21), sau đó kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.21. Bảng tính và phân bổ khấu hao

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: 06-TSCĐ
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỔ KHẤU HAO
Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK627	TK641	TK642
			Nguyên giá	Số khấu hao			
1	Số khấu hao trích tháng trước		645.454.545	5.378.788	1.075.758	1.613.636	2.689.394
2	Số khấu hao tăng tháng này			-	-	-	-
3	Số khấu hao giảm tháng này			-	-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này		645.454.545	5.378.788	1.075.758	1.613.636	2.689.394

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.22. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
07/12	PC12-45	07/12	Chi tiền thuê xe,bôc dỡ	641	3.000.000	
	HĐ738			133	300.000	
				111		3.300.000
...	...	...	...	...	...	...
10/12	PC12-50	10/12	Chi tiền mua nước Lavie 0.35L	642	1.400.000	
	HĐ2015			133	140.000	
				111		1.540.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBLT 12	31/12	Lương tháng 12 phải trả	622	25.000.000	
				641	30.000.000	
				642	41.000.000	
				334		96.000.000
			Tính các khoản trích theo lương	622	4.200.000	
				641	4.200.000	
				642	5.572.560	
				334	6.112.995	
				338		20.085.555
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BKHT 12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	627	1.075.758	
				641	1.613.636	
				642	2.689.394	
				214		5.378.788
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**88.540.480.152**	**88.540.480.152**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiên hành ghi sổ cái TK641 (biểu số 2.23) và sổ cái TK642 (biểu số 2.24)

Biểu số 2.23. Trích sổ cái TK641

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2015
Tên tài khoản: Chi phí bán hàng
Số hiệu: 641

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
07/12	PC12-45	07/12	Chi tiền thuê xe	111	3.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBLT 12	31/12	Tính lương tháng 12	334	30.000.000	
			Tính các khoản trích theo lương	338	4.200.000	
31/12	BKHT 12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	214	1.613.636	
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		452.511.274
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**452.511.274**	**452.511.274**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.24. Trích sổ cái TK642

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CÁI
Tháng 12 năm 2015
Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
10/12	PC12-50	10/12	Chi tiền mua nước uống Lavie 0.35L	111	1.400.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BPBLT 12	31/12	Tính lương tháng 12	334	41.000.000	
			Tính các khoản trích theo lương	338	5.572.560	
31/12	BKHT 12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	214	2.689.394	
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		521.387.517
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**521.387.517**	**521.387.517**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

* Chứng từ sử dụng:

+ Giấy báo có

+ Các chứng từ khác có liên quan...

* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK515: "Doanh thu hoạt động tài chính"

* ***Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 31/12: Nhận được lãi tiền gửi Ngân hàng, số tiền 2.738.299 đồng bằng chuyển khoản.

****Định khoản:***

Nợ TK112: 2.738.299

Có TK515: 2.738.299

Căn cứ vào Giấy báo có số 06725 (Biểu số 2.25), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.26)

Biểu số 2.25. Giấy báo có của ngân hàng Á Châu

ACB ASIA COMMERCIAL BANK	**GIẤY BÁO CÓ**	Mã GDV: BTTA
	Ngày 31/12/2015	Mã KH: 28468
		Số GD: 06725

Ngân hàng Á Châu
Chi nhánh: ACB - Hải Phòng

Kính gửi: CÔNG TY TNHH QUẢNG THÀNH VIỆT NAM

Mã số thuế: 0201285267

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 3408586

Số tiền bằng số: 2.738.299

Số tiền bằng chữ: Hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn hai trăm chín mươi chín đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.26. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
07/12	PC12-45	07/12	Chi tiền thuê xe,bốc dỡ	641	3.000.000	
	HĐ738			133	300.000	
				111		3.300.000
...	...	...	...	...	...	...
10/12	PC12-50	10/12	Chi tiền mua nước uống Lavie 0.35L	642	1.400.000	
	HĐ2015			133	140.000	
				111		1.540.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BC6725	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112	2.738.299	
				515		2.738.299
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**88.540.480.152**	**88.540.480.152**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (biểu số 2.27).

Biểu số 2.27. Trích sổ cái TK515

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
31/12	BC06725	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112		2.738.299
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	911	8.428.052	
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**8.428.052**	**8.428.052**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

2.2.3. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

* Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK911: "Kết quả kinh doanh"

+ Sổ cái TK 821: "Chi phí thuế TNDN"

+ Sổ cái TK421: "Lợi nhuận chưa phân phối"

* ***Ví dụ minh họa:***

Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2015, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK511, TK515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 30 (Biểu số 2.28) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

Biểu số 2.28. Phiếu kế toán số 30

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 30

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	24.654.175.673
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	8.428.052
	Cộng			**24.662.603.725**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK632, 641, 642 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 31 (Biểu số 2.29) để kết chuyển chi phí.

Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 31

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 31

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	22.529.356.276
2	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	452.511.274
3	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	521.387.517
	Cộng			**23.503.255.067**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 30 và Phiếu kế toán số 31 kế toán ghi vào sổ nhật chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK511 (Biểu số 2.7), sổ cái TK515 (Biểu số 2.27), sổ cái TK 632 (Biểu số 2.15), sổ cái TK 641 (Biểu số 2.23), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.24), sổ cái TK 911 (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 32 (Biểu số 2.30) phản ánh thuế TNDN phải nộp

Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 32

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 32

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2015	821	3334	231.869.732
	Cộng			**231.869.732**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 32, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kể toán ghi sổ cái TK821 (Biểu số 2.35) Căn cứ vào sổ cái TK821, kế toán lập Phiếu kế toán số 33 (Biểu số 2.31) phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2015.

Biểu số 2.31. Phiếu kế toán số 33

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 33

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	231.869.732
	Cộng			**231.869.732**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 33, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK821 (Biểu số 2.35), Tài khoản 911 (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 34 (Biểu số 2.32) phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Biểu số 2.32. Phiếu kế toán số 34

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 34

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2015	911	421	927.478.926
	Cộng			**927.478.926**

Người lập **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)*

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 34, Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.33)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu số 2.34), sổ cái TK421 (Biểu số 2.36)

Căn cứ vào các sổ cái, Kế toán lập Bảng cân đối tài khoản (Biểu số 2.37) và bảng Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2015 (Biểu số 2.38)

Biểu số 2.33. Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	24.654.175.673	
				515	8.428.052	
				911		24.662.603.725
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	23.503.255.067	
				632		22.529.356.276
				641		452.511.274
				642		521.387.517
31/12	PKT32	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	231.869.732	
				3334		231.869.732
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	231.869.732	
				821		231.869.732
31/12	PKT34	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	927.478.926	
				421		927.478.926
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**88.540.480.152**	**88.540.480.152**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.34. Trích sổ cái TK911

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015

Tên tài khoản: Kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT30	31/12	Kết chuyển doanh thu, bán hàng	511		24.654.175.673
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		8.428.052
31/12	PKT31	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	22.529.356.276	
			Kết chuyển chi phí bán hàng	641	452.511.274	
			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	521.387.517	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	231.869.732	
31/12	PKT34	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	927.478.926	
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**24.662.603.725**	**24.662.603.725**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.35. Trích sổ cái TK821

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015

Tên tài khoản: Thuế TNDN

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT32	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	231.869.732	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		231.869.732
			Cộng luỹ kế từ đầu năm		**231.869.732**	**231.869.732**
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.36. Trích sổ cái TK421

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2015

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			**240.156.872**
			Số phát sinh			
31/12	PKT34	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2015	911		927.478.926
			Cộng luỹ kế từ đầu năm			**1.167.635.798**
			Số dư cuối năm			**1.167.635.798**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.37. Trích bảng cân đối số phát sinh

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S06-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TRÍCH BẢNG CÂN ĐSỐI SỐ PHÁT SINH
Năm 2015

SH TK	Tên TK	SDĐK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
…	…		…				…
421	Lợi nhuận chưa phân phối		240.156.872		927.478.926		1.167.635.798
511	Doanh thu BH và CCDV			24.654.175.673	24.654.175.673		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			8.428.052	8.428.052		
632	Giá vốn hàng bán			22.529.356.276	22.529.356.276		
641	Chi phí bán hàng			452.511.274	452.511.274		
642	ChiphíQLDN			521.387.517	521.387.517		
821	Chi phí thuế TNDN			231.869.732	231.869.732		
911	Xác định kết quả kinh doanh			24.662.603.725	24.662.603.725		
	Tổng	**4.794.956.452**	**4.794.956.452**	**88.540.480.152**	**88.540.480.152**	**5.241.823.654**	**5.241.823.654**

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

Biểu số 2.38. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	01		24.654.175.673	18.459.163.252
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**24.654.175.673**	**18.459.163.252**
4	Giá vốn hàng bán	11		22.529.356.276	17.063.456.973
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**2.124.819.397**	**1.395.706.279**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		8.428.052	6.755.771
7	Chi phí tài chính	22		0	265.842.873
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	265.842.873
8	Chi phí bán hàng	24		452.511.274	445.031.568
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		521.387.517	515.641.520
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+24+25))**	**30**		**1.159.348.658**	**175.946.089**
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	**40**		**0**	**0**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**1.159.348.658**	**175.946.089**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		231.869.732	35.189.217
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17	**Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)**	**60**		**927.478.926**	140.756.872
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam)

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH QUẢNG THÀNH VIỆT NAM

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

3.1.1. Ưu điểm

- Về công tác quản lý:

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

+ Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng, nhanh chóng hơn

- Về công tác kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, mỗi kế toán được phân công, phụ trách một mảng riêng đảm bảo sự chuyên môn hóa nhưng vẫn phối hợp một cách chặt chẽ.

+ Các kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu để đảm bảo tính chính xác đồng thời theo dõi kịp thời các hoạt động của Công ty.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán

+ Công ty áp dụng theo hình thức nhật ký chung, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên. Nó giúp cho việc quản lý và theo dõi quá trình nhập, xuất, tồn hàng hóa một cách dễ dàng.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

+ Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí đều được ghi chép cẩn thận, kịp thời

nhằm tránh tình trạng chi khống, lãng phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí một cách hợp lý hơn.

+ Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được việc cung cấp thông tin liên quan đến tình hình kinh doanh của công ty,giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra quyết định kinh doanh đúng đắn nhất

3.1.2. Hạn chế

+ Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu - chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.

+ Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. Áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

+ Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam, mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MI SA, Gama, Fast Accounting,...

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phi nhất.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam chưa thực sự hoàn thiện vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

Mục đích của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kinh doanh có hiệu quả, tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao

Yêu cầu đặt ra trong công tác hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty là kịp thời áp dụng các chuẩn mực kế toán mới nhất...,phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp mình. Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí xác xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

3.4.1. Kiến nghị 1: Hạch toán chi tiết doanh thu - chi phí

- *Lý do kiến nghị*: Công tác kế toán tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam chưa mở sổ chi tiết doanh thu,chi phí cho từng mặt hàng.

- *Mục tiêu của giải pháp:* Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết đến từng mặt hàng và theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng.

Cách thức tiến hành giải pháp: Công ty thực hiện mở sổ chi tiết bán hàng (biểu 3.1) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu 3.2)

Biểu số 3.1. Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S35-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư): .....

Tháng .... năm ....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 như biểu số 3.2, tạo điều kiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng

Biểu số 3.2. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Thành Phố Hải Phòng

Mẫu số: S36-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dành cho các 641, 642, 632, ...)

Tài khoản: .....
Tên sản phẩm, dịch vụ: .....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DƯ	Ghi Nợ Tài khoản								
					Tổng số tiền	Chia ra							
	Số hiệu	Ngày, thảng				...		...		...		...	...
A	B	C	D	E									
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ										
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - GhiCóTK... - Số dư cuối kỳ										

* Lấy ví dụ 1 ở phần doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giả vốn hàng bản và chi phí quản lý doanh nghiệp

Căn cứ vào hóa đơn GTGT sổ 0000138 ngày 15/12/2015 xuất bán 150 kg keo dán loại 96L-3 cho cửa hàng Secoo, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK511(biểu số 3.3) và căn cứ vào PXK12-010, kế toán ghi vào sổ chi tiết TK632 (biểu số 3.4).

Biểu số 3.3. Sổ chi tiết bán hàng

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: S35-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Keo dán 96L-3
Tháng 12 năm 2015

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3=1*2	4	5
			....						
15/12	HĐ138	15/12	Bán keo dán 96L-3	131	150	120.000	18.000.000		
			...						
21/12	HĐ155	21/12	Bán keo dán 96L-3	111	100	120.000	12.000.000		
			...						
			Cộng số phát sinh				**936.000.000**		
			- Doanh thu thuần				**936.000.000**		
			- Giá vốn hàng bán				**781.900.320**		
			- Lãi gộp				**154.099.680**		

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 3.4. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Đầm Triều, Phường Quán Trữ, Huyện Kiến An, Hải Phòng

Mẫu số: S36-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dành cho các TK 621, 622,623,627,154,631,641,642,242,335,632)

- Tài khoản: 632
- Tên sản phẩm, dịch vụ: Keo dán 96L-3

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK DƯ	Ghi Nợ Tài khoản 632		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						Giá mua	Chi phí thu mua
A	B	C	D	E			
			.....				
15/12	PX12-010	15/12	- Xuất hàng theo HĐ 138	156	8.700.000	8.700.000	
			.....				
21/12	PX12-025	21/12	-Xuất hàng theo HĐ 155	156	5.800.000	5.800.000	
			.....				
			Cộng số phát sinh trong kỳ		**781.900.320**		
			Ghi Có TK.632		**781.900.320**		
			Số dư cuối kỳ				

- *Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Nếu Công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi chó việc theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp từng mặt hàng giúp cho Công ty thấy được tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm. Từ đó Công ty sẽ đưa ra những quyết định xem nên mở rộng, thu hẹp hay ngùng kinh doanh mặt hàng nào của Công ty.

3.4.2. Kiến nghị 2: Áp dụng phần mềm kế toán

- *Lý do kiến nghị:* Hiện tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán song nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty mất rất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu giải pháp*: Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời

- *Cách thức tiến hành giải pháp:* Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Vacom, Fast....

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

Thông tin phần mềm: MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA

SME.NET 2015 phù họp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

Giao diện phần mềm:

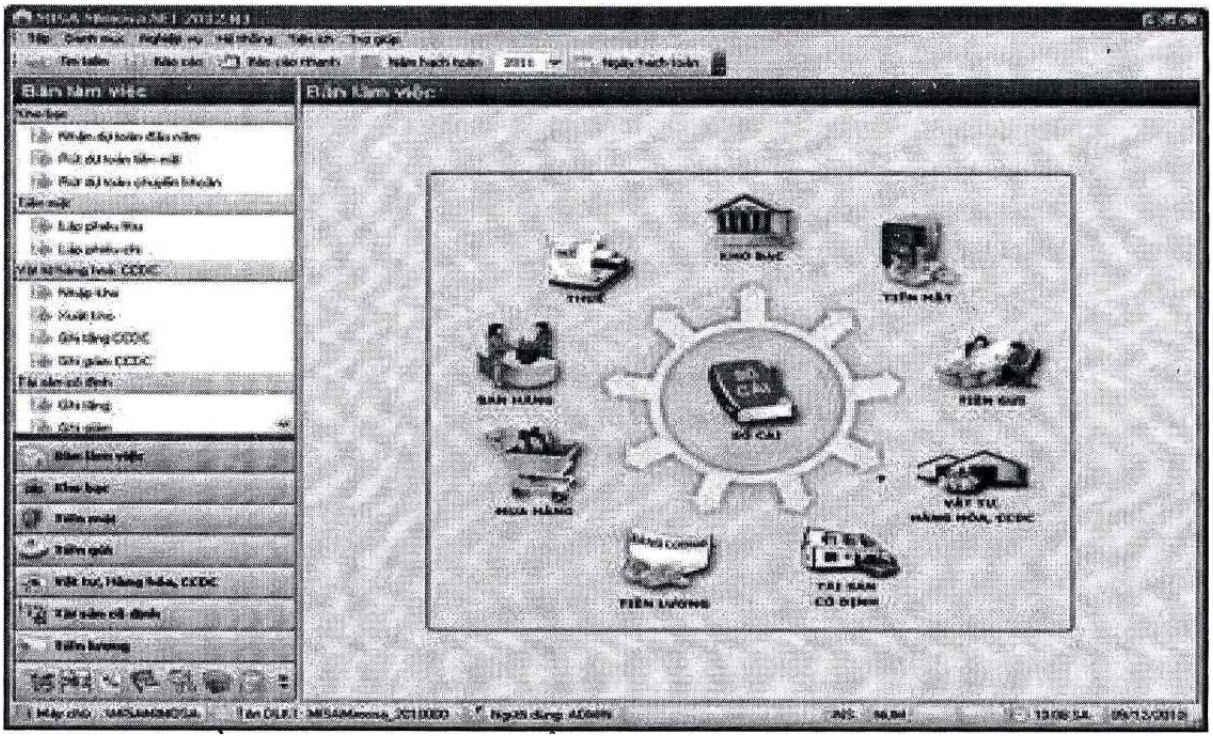

Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

- Thông tin vê giá cả các gói sản phâm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).

Liên hệ: www.misa.com.vn.

- Phần mềm kế toán VACOM

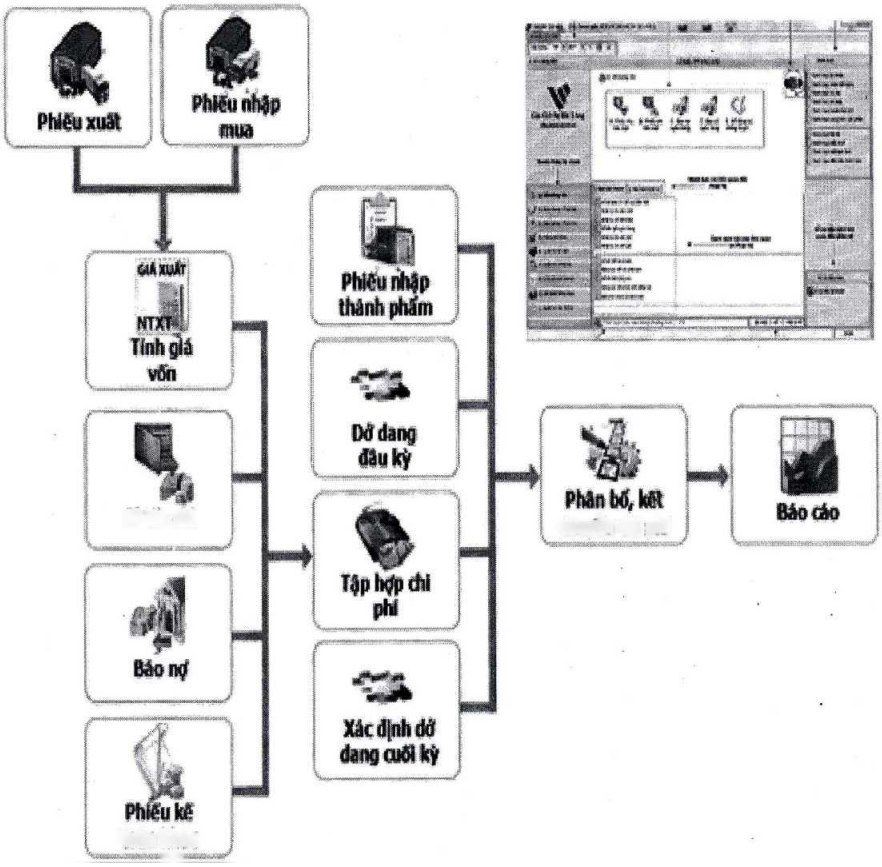

Hình 3.2. Giao diện phần mềm kế toán máy VACOM

- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.

Website: www.vacom.com.vn

- Phần mềm Kẻ toán Fast accounting

Thông tin phần mềnr. Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất....

Giao diện phần mềm

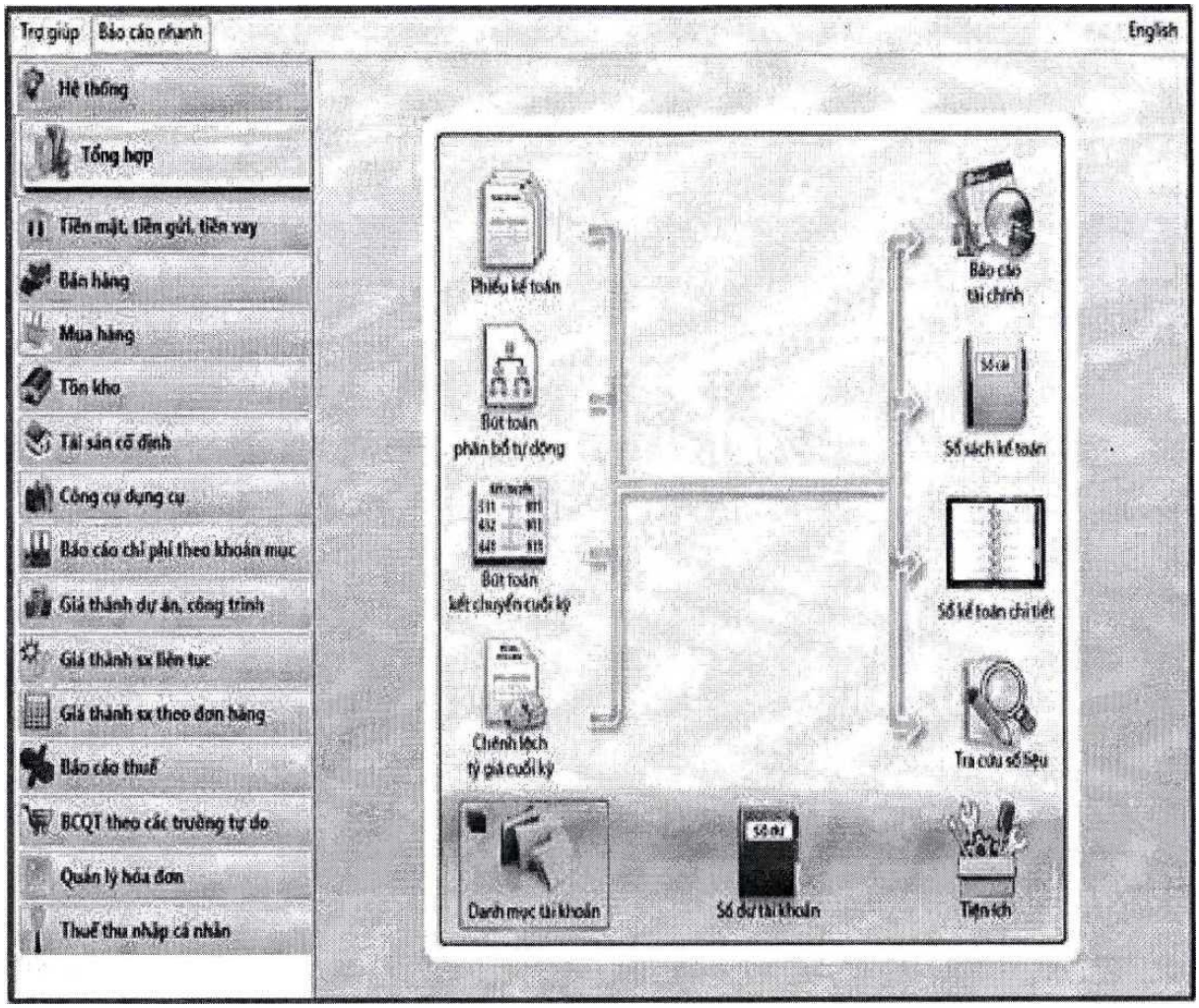

Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015

- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

-*Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp*: Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm được thời gian, chi phí và sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc. Các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn và chuyên nghiệp hơn

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ doanh để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

3.5.2. Về *phía doanh nghiệp*

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kế toán phải là người có trách nhiệm, có đạo đức nghề nghiệp

+ Công ty phải có khả năng tài chính và phải đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ công tác kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

+ Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần hành với nhau trong việc sử dụng chứng từ, hoàn chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra

+ Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vị trí hết sức quan trọng trong công tác kế toán của các doanh nghiệp. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho nhà quản trị đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam em đã áp dụng cơ sở lý luận được học ở trường vào thực tiễn sản xuất kinh doanh tai Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam như:

- Kiến nghị về việc hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.
- Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ hướng dẫn tận tình của Ths Nguyễn Đức Kiên và của ban lanh đạo, các phòng ban trong Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy do hiểu biết về kế toán của em còn hạn chế hên em không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy, cô cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Ths. Nguyễn Đức Kiên và phòng kế toán tại Công ty TNHH Quảng Thành Việt Nam đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này!

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) — Hệ thống tài khoản kế toán, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2015), Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Bảo cảo tài chỉnh, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán, NXB Giao thông vận tải
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.